

KẾT LUẬN THANH TRA
Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong
Chi nhánh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định thanh tra số 06/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 14/12/2023 của Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai về việc tiến hành thanh tra Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong Chi nhánh Đồng Nai (TPBank Đồng Nai).

Xét báo cáo kết quả thanh tra TPBank Đồng Nai ngày 23/02/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai kết luận thanh tra như sau:

PHẦN I
KHÁI QUÁT CHUNG

1. Quá trình thành lập và hoạt động

TPBank Đồng Nai được thành lập theo Nghị quyết số 27/2010/NQ-TPB.HĐQT ngày 07/12/2010 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0102744865-009 do phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 23/06/2021. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình Duy Cường - Giám đốc Chi nhánh được tái bổ nhiệm theo Quyết định số 6275/2021/QĐ-TPB.QTNNL ngày 27/12/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của chi nhánh bao gồm:

- Ban Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn, bộ phận chức năng tại Chi nhánh: Phòng Dịch Vụ Khách hàng, Phòng Khách hàng Cá Nhân, Phòng Khách hàng Doanh nghiệp, Phòng Vận hành
- Phòng Giao dịch trực thuộc: 02 Phòng, được đặt tại:
 - + Phòng giao dịch Biên Hòa: Số 97, đường 30 tháng 4, Phường Thanh Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
 - + Phòng giao dịch Long Khánh: Số 145 Hùng Vương, Khu phố 1, Phường Xuân Hòa, Thành phố Long Khánh, Đồng Nai
- Số lao động đang làm việc tại Chi nhánh: 35 người, trong đó: Thạc sĩ: 01; Đại học: 34; Cao đẳng: 0; Trung cấp: 0; Chưa qua đào tạo: 0

2. Tình hình hoạt động của Chi nhánh (thời điểm 31/10/2023)

2.1. Về huy động vốn: Đến 31/10/2023, số dư huy động vốn của Chi nhánh đạt 1.584.786 triệu đồng, tăng 7,4% so với thời điểm 31/12/2022, tăng 20% so với thời điểm 31/12/2021, tăng 25% so với thời điểm 31/12/2020. Trong đó chi tiết các hình thức huy động như sau:

Hình thức huy động	Số dư (triệu đồng)	Tỷ lệ %/tổng huy động
Tiền gửi có kỳ hạn	401.220	25%
Tiền gửi không kỳ hạn	291.523	18%
Tiền gửi tiết kiệm	815.976	51%
Hình thức khác	76.067	5%
TỔNG CỘNG	1.584.786	100%

2.2. Hoạt động cho vay:

Đến 31/10/2023, tổng dư nợ cho vay của chi nhánh đạt 4.224.211 triệu đồng, giảm 3,3% so với thời điểm 31/12/2022 và tăng 14,9% so với thời điểm 31/12/2021, tăng 45,2% so với thời điểm 31/12/2020.

Trong đó:

+ Dư nợ ngắn hạn 1.215.526 triệu đồng chiếm 28,78% tổng dư nợ; Dư nợ trung, dài hạn 3.008.685 triệu đồng, chiếm 71,2% tổng dư nợ.

+ Nợ quá hạn tại Chi nhánh là 436.808 triệu đồng chiếm 10,3% tổng dư nợ.

+ Nợ nhóm 2 tại thời điểm 31/10/2023 là 190.543 triệu đồng chiếm 4,5% tổng dư nợ, tăng 102% so với thời điểm 31/12/2022 và tăng 280% so với thời điểm 31/12/2021, tăng 744 % so với thời điểm 31/12/2020.

+ Nợ xấu (nhóm 3-5) tại thời điểm 31/10/2023 là 246.265 triệu đồng chiếm 5,8%/tổng dư nợ, tăng 1.309,2% so với thời điểm 31/12/2022 và tăng 2.117% so với thời điểm 31/12/2021, tăng 803% so với thời điểm 31/12/2020.

2.3. Kết quả kinh doanh: chênh lệch thu nhập trừ chi phí năm 2020 là 75.294 triệu đồng; năm 2021 là 98.265 triệu đồng; năm 2022 là 155.335 triệu đồng và lũy kế 10 tháng đầu năm 2023 là 142.350 triệu đồng.

2.4. Kết quả thực hiện tăng trưởng tín dụng được giao:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	+/- số tiền	Tỷ lệ HTKH
Năm 2020	2.917	2.909	-8	99,7%
Năm 2021	3.675	3.675	0	100%
Năm 2022	4.510	4.369	-141	96,9%
Năm 2023	5.257	4.224	-1.033	80,4%

Về thực hiện tăng trưởng tín dụng do Hội sở giao cho Chi nhánh: Năm 2020 đạt 99,7% kế hoạch tăng trưởng; năm 2021 đạt 100% kế hoạch tăng trưởng; năm 2022 đạt 96,9% kế hoạch tăng trưởng. Đến tháng 10/2023 kế hoạch mới đạt được 80,4%.

2.5. Kết quả thực hiện các biện pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19: TPBank Đồng Nai đã có những hành động thiết thực trong việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ để hỗ trợ các khách hàng gặp khó khăn do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, cụ thể theo báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ cho khách hàng:

- Thời điểm năm 2020: Số dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là 966.099 triệu đồng, gồm 1.175 khách hàng; Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ là 278 khách hàng với dư nợ được cơ cấu gốc là 3.943 triệu đồng; lãi là 13,85 triệu đồng.

- Thời điểm năm 2021: Số dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là 2.681.045 triệu đồng, gồm 5.829 khách hàng; Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ là 312 khách hàng với dư nợ được cơ cấu gốc là 6.531 triệu đồng; lãi là 0 triệu đồng.

- Thời điểm năm 2022: Số dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là 616.530 triệu đồng, gồm 759 khách hàng; Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ là 116 khách hàng với dư nợ được cơ cấu gốc là 361 triệu đồng; lãi là 0 triệu đồng.

- Thời điểm 31/10/2023: Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ là 39 khách hàng với dư nợ được cơ cấu gốc là 154 triệu đồng; lãi là 0 triệu đồng. Dư nợ của khách hàng còn lại đến thời điểm 31/10/2023 là 5.373 triệu đồng.

2.6. Kết quả thực hiện các biện pháp hỗ trợ khách hàng theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN: Chi nhánh mới cơ cấu nợ 01 khách hàng và số dư cơ cấu nợ theo thông tư 02/2023/TT-NHNN đến 31/10/2023 là 1.496 triệu đồng.

2.7. Kết quả xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42/2017/QH14:

- Đối với nợ xấu nội bảng: tính đến thời điểm 31/10/2023, TPBank Đồng Nai đã xử lý được 13.859 triệu đồng các khoản nợ xấu được xác định theo Nghị quyết 42/2017/QH14, trong đó: (1) Khách hàng trả nợ 8.662 triệu đồng; (2) Sử dụng DPRR 4.035 triệu đồng; (3) Bán phát mại tài sản là 346 triệu đồng; (4) hình thức xử lý nợ xấu khác là 816 triệu đồng.

- Đối với nợ xấu ngoại bảng: tính đến 31/10/2023, TPBank Đồng Nai đã xử lý được 1.684 triệu đồng;

- Đối với nợ xấu đã bán cho VAMC được thanh toán bằng TPĐB: Chi nhánh đã xử lý được 12.856 triệu đồng, bằng các hình thức: xử lý TSBĐ là 1.602 triệu đồng; bằng các hình thức khác là 9.627 triệu đồng và TCTD mua lại khoản nợ xấu là 1.627 triệu đồng.

PHẦN II KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC MINH

I. Thanh tra hoạt động cấp tín dụng

1. Tình hình hoạt động cấp tín dụng đến thời điểm 31/10/2023

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	Thời điểm 31/12/2022	Thời điểm 31/10/2023	So sánh thời điểm 31/10/2023 với					
						31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
						Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
I	Dư nợ cho vay các TCKT và cá nhân	2.909.506	3.675.145	4.369.062	4.224.211	1.314.705	45	549.066	15	-144.851	-3
	<i>Trong đó:</i>										
	- Nợ nhóm 1	2.859.660	3.613.870	4.257.144	3.787.403	927.743	32	173.533	5	-469.741	-11
	- Nợ nhóm 2	22.565	50.168	94.442	190.543	167.978	744	140.375	280	96.101	102
	- Nợ xấu	27.281	11.107	17.476	246.265	218.984	803	235.158	2.117	228.789	1.309
	+ Nhóm 3	7.695	9.389	10.695	95.075	87.380	1.136	85.686	913	84.380	789
	+ Nhóm 4	13.235	1.248	5.249	89.211	75.976	574	87.963	7.048	83.962	1.600
	+ Nhóm 5	6.351	470	1.532	61.979	55.628	876	61.509	13.087	60.447	3.946
	- Tỷ lệ nợ nhóm 2 so với tổng dư nợ	0,78%	1,37%	2,16%	4,51%						
	- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ	0,94%	0,30%	0,40%	5,83%						
II	Phân loại dư nợ cho vay các TCKT và cá nhân theo thành phần kinh tế	2.909.506	3.675.145	4.369.062	4.224.211	1.314.705	45	549.066	15	-144.851	-3
1	Doanh nghiệp nhà nước										
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>										
2	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	1.255.589	1.493.648	1.739.351	1.184.819	-70.770	-6	-308.829	-21	-554.532	-32
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>	4.688	2.576	3.520	87.789	83.101	1.773	85.213	3.308	84.269	2.394
3	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	206.419	-	-	289.411	82.992	40	289.411		289.411	
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>										
4	Tư nhân, cá thể	1.447.498	2.181.497	2.629.711	2.749.981	1.302.483	90	568.484	26	120.270	5
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>	22.593	8.531	13.956	158.476	135.883	601	149.945	1.758	144.520	1.036
III	Phân loại dư nợ cho vay các TCKT và cá nhân theo loại cho vay	2.909.506	3.675.145	4.369.062	4.224.211	1.314.705	45	549.066	15	-144.851	-3
1	Cho vay ngắn hạn	537.355	557.146	887.922	1.215.526	678.171	126	658.380	118	327.604	37
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>	558	59	363	89.929	89.371	16.016	89.870	152.322	89.566	24.674
2	Cho vay trung hạn	1.103.401	1.258.082	1.212.955	919.867	-183.534	-17	-338.215	-27	-293.088	-24
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>	12.514	5.582	5.429	14.024	1.510	12	8.442	151	8.595	158
3	Cho vay dài hạn	1.268.750	1.859.917	2.268.185	2.088.818	820.068	65	228.901	12	-179.367	-8
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>	14.209	5.466	11.684	142.312	128.103	902	136.846	2.504	130.628	1.118
IV	Phân loại dư nợ cho vay các TCKT và cá nhân theo loại tiền cho vay	2.909.506	3.675.145	4.369.062	4.224.211	1.314.705	45	549.066	15	-144.851	-3
1	Nội tệ (VND)	2.703.044	3.421.898	4.124.072	3.941.460	1.238.416	46	519.562	15	-182.612	-4
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>	27.281	11.107	17.182	246.265	218.984	803	235.158	2.117	229.083	1.333
2	Ngoại tệ (Quy VND)	206.462	253.247	244.990	282.751	76.289	37	29.504	12	37.761	15
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>			294	-					-294	-100
3	Vàng (Quy VND)										
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>										
V	Phân loại dư nợ cho vay các TCKT và cá nhân theo mục đích cho vay	2.909.506	3.675.145	4.369.062	4.224.211	1.314.705	45	549.066	15	-144.851	-3
1	Cho vay đầu tư, kinh doanh BDS	145.743	23.410		71.154	-74.589	-51	47.744	204	71.154	
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>	2.062			3.250	1.188	58	3.250		3.250	

2	Cho vay đầu tư, kinh doanh chứng khoán										
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>										
3	Cho vay tiêu dùng (LSTT)	733.824	1.307.264	1.863.790	1.671.411	937.587	128	364.147	28	-192.379	-10
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>	14.648	4.554	10.536	70.201	55.553	379	65.647	1.442	59.665	566
4	Cho vay HTLS										
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>										
5	Cho vay thương mại	1.261.046	1.605.308	1.555.044	1.426.920	165.874	13	-178.388	-11	-128.124	-8
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>	7.812	6.108	5.627	45.845	38.033	487	39.737	651	40.218	715
6	Cho vay các đối tượng khác	768.893	739.163	950.228	1.054.726	285.833	37	315.563	43	104.498	11
	<i>Trong đó: nợ xấu</i>	2.759	445	1.313	126.969	124.210	4.502	126.524	28.432	125.656	9.570

2. Về các chính sách, quy định nội bộ liên quan đến hoạt động cấp tín dụng; phân loại nợ, trích lập, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng

TPBank ban hành các chính sách, quy định nội bộ phục vụ cho hoạt động cấp tín dụng và các hoạt động khác có liên quan trong thời kỳ thanh tra, đơn cử:

- **Quy chế cho vay, bảo lãnh:** Quy định cho vay khách hàng cá nhân số 1469/2021/QĐ-TPB.RB ngày 30/9/2021 của Tổng Giám đốc; Quy định cho vay khách hàng doanh nghiệp số 1135/2023/QĐ-TPB.CB ngày 07/9/2023 của Tổng Giám đốc; Quy chế số 05/2020/QC-TPB.HĐQT ngày 24/4/2020 của Hội đồng quản trị TPBank ban hành Quy chế cho vay, Quy định phê duyệt tín dụng số 375/2022/QĐ-TPB.CR ngày 23/4/2022 của Tổng Giám đốc, Quy chế phê duyệt tín dụng số 01/2020/QC-TPB.HĐQT ngày 13/2/2020; Sản phẩm cho vay mua nhà và nhận chuyển nhượng QSD đất số 262/2020/QĐ-TPB.RB ngày 06/3/2020; Sản phẩm cho vay mua nhà và nhận chuyển nhượng QSD đất số 051/2021/SP-TPB.RB ngày 30/9/2021; Sản phẩm cho vay kinh doanh có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân số 04/2023/SP-TPB.RB ngày 18/01/2023 của Tổng Giám đốc; Sản phẩm cho vay tiêu dùng có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân số 05/2023/SP-TPB.RB ngày 13/02/2023; Sản phẩm bảo lãnh dành cho khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân số 040/2021/SP-TPB.CB ngày 30/6/2021 của Tổng Giám đốc; Quy định kiểm tra sau cho vay khách hàng cá nhân số 761/2023/QĐ-TPB.CM ngày 27/6/2023 của Tổng Giám đốc; Quy định kiểm tra sau cho vay khách hàng doanh nghiệp số 1191/2021/QĐ-TPB.CMC ngày 14/7/2021 của Tổng Giám đốc TPBank.

Tuy nhiên tại Phụ lục 04 Hướng dẫn kiểm tra sau cho vay khách hàng cá nhân ban hành kèm theo quy định số 761/2023/QĐ-TPB.CM ngày 27/6/2023 của Tổng Giám đốc TPBank hướng dẫn về hoạt động cho vay mua bất động sản tại mục kiểm tra chứng từ đối với trường hợp vay mua BĐS để thanh toán công nợ mà BĐS mua đã có giấy tờ sở hữu tài sản: “...HĐMB/hợp đồng chuyển nhượng công chứng/Hợp đồng được xác thực của các cơ quan địa phương có thẩm quyền/Giấy biên nhận đặt cọc (trong trường hợp giá trị mua bán/chuyển nhượng thực tế khác với trên Hợp đồng mua bán/chuyển nhượng công chứng)”. Ngoài ra, tại Công văn số 14257/BTC-VP ngày 15/12/2021 và Công văn số 3849/BTC-TCT ngày 28/4/2022 của Bộ Tài chính về việc chống thất thu thuế trong hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản gửi UBND các tỉnh kê

khai trung thực giá chuyển nhượng bất động sản trên hợp đồng mua bán nhằm đảm bảo nguồn thu ngân sách. Do đó việc Hướng dẫn một số nội dung khi tài trợ vốn cho khách hàng trên chưa chặt chẽ sẽ dẫn đến việc không hạn chế, ngăn ngừa khách hàng được tài trợ vốn vay khi giá trị chuyển nhượng khác với giá trị tại các hợp đồng công chứng ảnh hưởng đến các quy định chính sách pháp luật của nhà nước. *Gồm các khách hàng (1) Nguyễn Tiến Lạc, dư nợ 7.250 triệu đồng; (2) Hoàng Văn Lập, dư nợ 7.623 triệu đồng; (3) Ngô Văn Phương, dư nợ 25.973 triệu đồng; (4) Đồng Xuân Sáu, dư nợ 12.570 triệu đồng; (5) Nguyễn Công Tường, dư nợ 20.802 triệu đồng; (6) Trần Văn Duy, dư nợ 4.146,2 triệu đồng; (7) Lê Bá Khánh, dư nợ 12.664 triệu đồng; (8) Phan Văn Anh, dư nợ 5.422 triệu đồng; (9) Lê Hoàng Phúc, dư nợ 23.420 triệu đồng; (10) Huỳnh Thị Thu Huyền, dư nợ 2.528 triệu đồng; (11) Huỳnh Thị Thiên Thư, dư nợ 4.573 triệu đồng; (12) Trần Luận, dư nợ 13.981,5 triệu đồng; (13) Trần Văn Duy, dư nợ 4.146,2 triệu đồng.*

- **Bảo đảm tiền vay:** Quy chế số 03/2020/QC-TPB.HĐQT ngày 27/02/2020 của HĐQT về nhận, thẩm định và quản lý tài sản bảo đảm.

- **Xử lý nợ:** Quy chế theo dõi giám sát và xử lý nợ có vấn đề số 13/2019/QC-TPB.HĐQT ngày 20/4/2019 của HĐQT; Quy định theo dõi giám sát và xử lý nợ có vấn đề khách hàng doanh nghiệp số 589/2023/QĐ-TPB.CM ngày 08/6/2023 của Tổng Giám đốc; Quy trình theo dõi giám sát và xử lý nợ có vấn đề đối với khách hàng cá nhân số 44/2023/QT-TPB.HĐQT ngày 10/7/2023 của Tổng Giám đốc; Quy trình phân luồng Nợ có vấn đề đối với khách hàng doanh nghiệp số 30/2023/QT-TPB.CM ngày 12/6/2023 của Tổng Giám đốc TPBank.

- **Chính sách phân loại nợ dự phòng rủi ro:** Quy chế phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng số 14/2021/QC-TPB.HĐQT ngày 01/10/2021 của HĐQT.

- **Cơ cấu nợ Covid-19:** Quy định hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 số 1682/2021/QĐ-TPB.RM ngày 22/11/2021 của Tổng Giám đốc TPBank.

Nhận xét, đánh giá: Nhìn chung, hệ thống các chính sách, quy định nội bộ tại TPBank đã đáp ứng được hầu hết các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động cấp tín dụng và được Chi nhánh triển khai để các phòng ban thực hiện.

3. Thanh tra việc chấp hành quy chế cho vay

Tiến hành kiểm tra chọn mẫu 67 hồ sơ khách hàng vay vốn với tổng dư nợ đến 31/10/2023 là 1.195.443 triệu đồng, chiếm 28,3% tổng dư nợ cho vay (*chi tiết tại biểu Phụ lục Danh sách khách hàng vay được thanh tra đính kèm*). Trong đó: (i) 45 khách hàng nợ nhóm 1 với tổng dư nợ kiểm tra là 973.602,1 triệu đồng, chiếm 26%/Tổng dư nợ nhóm 1; (ii) 4 khách hàng nợ nhóm 2 với tổng dư nợ kiểm tra là 34.162,8 triệu đồng, chiếm 18%/Tổng dư nợ nhóm 2; (iii) 18 khách hàng nợ xấu với tổng dư nợ kiểm tra là 187.678,1 triệu đồng, chiếm 76%/Tổng dư nợ xấu.

Qua kết quả kiểm tra TPBank Đồng Nai có chấp hành quy chế cho vay và các quy định có liên quan đến hoạt động cấp tín dụng nhưng vẫn còn tồn tại, hạn chế, vi phạm (trong công tác thẩm định, xét duyệt cho vay; công tác thu thập hồ sơ vay vốn; công tác kiểm tra, giám sát vốn vay; công tác định giá tài sản....) đối với 57 hồ sơ khách hàng với tổng dư nợ có liên quan là 976.997,3 triệu đồng, chiếm 81,7% so với dư nợ cho vay được kiểm tra (*chi tiết tại Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay*). Cụ thể như sau:

3.1. Về công tác thẩm định, xét duyệt cho vay:

Công tác thẩm định, xét duyệt cho vay chưa chặt chẽ, chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với 52 khách hàng (99 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/10/2023 là 592.865 triệu đồng. Cụ thể:

3.1.1. Đối với các khách hàng doanh nghiệp, gồm 15 khách hàng (24 HĐTD) với tổng dư nợ 305.057,2 triệu đồng:

(1) Công ty CP Hải Đăng, dư nợ 58.350 triệu đồng:

- TPBank Đồng Nai chưa thu thập đầy đủ số liệu hoạt động của khách hàng để đánh giá chặt chẽ trước khi quyết định cho vay như khách hàng có vốn đầu tư vào công ty con (Công ty CP công nghệ môi trường Tây Ninh) với số vốn đầu tư lớn #118,8 tỷ đồng nhưng đơn vị không đánh giá tính hiệu quả của khoản đầu tư (theo báo cáo tài chính của Công ty các năm 2021, 2022 không phát sinh các khoản thu nhập tài chính được chia lợi tức từ việc đầu tư vào công ty con); chưa xác định được vốn tự có và nhu cầu vốn thực tế của khách hàng để đánh giá tính hiệu quả của phương án sử dụng vốn vay như: vốn sử dụng vào công trình, dự án cụ thể, tiến độ thực hiện,....

- Theo số liệu báo cáo kết quả hoạt động năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, phân tích các chỉ số tài chính cho thấy: công ty hoạt động còn nhiều khó khăn, doanh thu hoạt động kinh doanh có chiều hướng giảm theo thời gian, hiệu quả hoạt động thấp trong khi đó các khoản nợ phải trả có chiều hướng tăng dẫn đến nguy cơ công ty đang phải đối diện với khó khăn trong việc chi trả các khoản nợ, tiềm ẩn nhiều rủi ro, như: về khả năng thanh toán ngắn hạn công ty có hệ số thanh toán nhanh nhỏ hơn 1, đang phản ánh công ty sẽ khó có khả năng hoàn trả các khoản nợ ngắn hạn, đồng thời hệ số thanh toán tức thời rất thấp; về chỉ số kết quả hoạt động: doanh thu qua các năm có chiều hướng giảm nhưng các khoản nợ phải trả cho người bán so với giá vốn hàng bán chiếm tỷ lệ cao dẫn đến hiệu quả hoạt động chưa thực sự tốt; về chỉ số đòn cân nợ và cơ cấu tài sản, nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ lệ rất lớn so với tổng tài sản và vốn chủ sở hữu điều đó cho thấy tài sản của Công ty chủ yếu hình thành từ những khoản nợ, dẫn đến công ty đang phải đối diện với khó khăn trong việc chi trả các khoản nợ, tiềm ẩn nhiều rủi ro; về chỉ số sinh lời: với quy mô doanh thu hoạt động lớn nhưng tỷ suất sinh lợi thấp, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận qua các năm giảm mạnh nhưng TPBank Đồng Nai chưa đánh giá chặt chẽ để phê duyệt cho vay theo khả năng tài chính, khả năng trả nợ của khách hàng.



(2) Công ty TNHH DT TM Trường Thịnh Phát, dư nợ 7.500 triệu đồng:

- Thẩm định tình hình tài chính của Công ty chưa chặt chẽ, số liệu báo cáo do Công ty cung cấp cùng thời điểm nhưng số liệu báo cáo khác nhau nhưng TPBank Đồng Nai chưa có biện pháp kiểm tra, xem xét để đánh giá tính trung thực, chính xác của số liệu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ chưa phù hợp với số liệu báo cáo tài chính về tiền mặt, vốn chủ sở hữu trên cân đối là 50 tỷ nhưng báo cáo thẩm định là 22 tỷ đồng; Chưa phân tích đánh giá các chỉ số thanh toán để đánh giá khả năng trả nợ của Công ty như chỉ số thanh toán nhanh, chỉ số khả năng trả nợ; phương án sản xuất kinh doanh, nguồn thu nhập trả nợ chưa thu thập đầy đủ (hợp đồng mua bán), không có tài liệu chứng minh số liệu phải thu-phải trả, chưa có tài liệu về việc tăng vốn chủ sở hữu. Vòng quay vốn lưu động năm kế hoạch là 7,24 vòng/năm tương ứng với chu kỳ thời gian vòng quay hoạt động kinh doanh là 1,7 tháng/năm, kế ước nhận nợ là 6 tháng chưa phù hợp chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kế hoạch kinh doanh dự kiến tăng so với năm trước 18 tỷ đồng nhưng hoạt động kinh doanh từ năm 2019 đến năm 2021 gia tăng doanh thu không ổn định, có sự tăng/giảm xen kẽ các năm với khoảng cách lớn nhưng TPBank Đồng Nai chưa đưa ra các tài liệu để làm căn cứ xét duyệt hạn mức.

(3) Công ty TNHH Xây dựng nội thất Én Vàng, dư nợ 15.899 triệu đồng:

- Qua số liệu báo cáo tài chính, tài sản của công ty chủ yếu hình thành từ vốn vay, từ đó cho thấy năng lực tài chính yếu nhưng TPBank Đồng Nai chưa đánh giá chặt chẽ về các khoản công nợ phải thu, phải trả, chi phí xây dựng dở dang, tiến độ thi công các công trình, năng lực tài chính, phương án sử dụng vốn của công ty và chưa đánh giá được các rủi ro trong kinh doanh dẫn đến việc nhận định đánh giá để phê duyệt cấp tín dụng chưa phù hợp với quy mô, năng lực hoạt động của công ty. Sau khi sử dụng vốn vay trong thời gian ngắn khách hàng đã không trả được nợ khi đến hạn dẫn đến nợ xấu khó có khả năng thu hồi vốn. Hiện nay công ty đã ngừng hoạt động không có nguồn thu trả nợ nên khả năng thu hồi nợ phụ thuộc vào việc xử lý tài sản đảm bảo.

(4) Thẩm định khách hàng vay vốn để thực hiện phương án/dự án nhưng chưa đánh giá năng lực thi công của các công ty liên danh, bóc tách giá trị công việc, chi phí xây dựng dở dang, tiến độ thi công, năng lực tài chính; tính pháp lý của dự án chăn nuôi khi tài trợ vốn vay thực hiện dự án điện năng lượng mặt trời; chưa đánh giá năng lực tài chính, các khoản vay có khả năng mất vốn của đối tác thường xuyên giao dịch với công ty đồng thời cùng một người đại diện pháp luật hoặc các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 80% doanh số của khách hàng tại doanh nghiệp khác nhưng cùng chủ sở hữu mà chưa đánh giá khả năng thu hồi, gồm: (1) Công ty cổ phần An Minh Khoa, dư nợ 31.250 triệu đồng; (2) Công ty TNHH XD Phát Triển Bình Phước, dư nợ 18.000 triệu đồng; (3) Công ty TNHH Khánh Phong, dư nợ 20.334 triệu đồng; (4) Công ty TNHH MTV sản xuất thức ăn chăn nuôi Bình Minh, dư nợ 58.594 triệu đồng.

(5) Thẩm định, xét duyệt cho vay một số khách hàng nhưng chưa thu thập đầy đủ hồ sơ để làm tài liệu thẩm định, các chứng từ chứng minh nguồn hàng hóa đầu vào, đầu ra tại thời điểm thẩm định để làm cơ sở xét duyệt; thẩm định tài chính dựa vào báo cáo nội bộ do khách hàng cung cấp, không thu thập/có thu thập nhưng không đánh giá, phân tích về sự chênh lệch khi thu thập số liệu do khách hàng cung cấp. Việc phân tích tài chính chỉ dựa vào báo cáo nội bộ của khách hàng sẽ làm ảnh hưởng đến sự nhận định đánh giá của TPBank Đồng Nai về tình hình tài chính khách hàng, dẫn đến không phản ánh chính xác khả năng trả nợ của khách hàng, gồm: (1) Công ty TNHH MTV TM Việt Thắng Hợp, dư nợ 19.239 triệu đồng; (2) Công ty TNHH bao bì giấy Gia Gia Nghi, dư nợ 21.112 triệu đồng; (3) Công ty TNHH TM DV VT Nguyễn Mạnh, dư nợ 18.329 triệu đồng; (4) Công ty TNHH TM DV Kiệm Xuân, dư nợ 10.901,5 triệu đồng.

(6) Thẩm định một số khách hàng về tình hình tài chính chưa chặt chẽ, chưa phân tích, đánh giá được các rủi ro về cơ cấu nguồn vốn, chất lượng và hiệu quả sinh lời của từng loại tài sản; chưa phân tích, đánh giá được chi tiết các khoản mục trên báo cáo tài chính của khách hàng như: (i) các khoản phải thu, khả năng thanh toán (về khả năng luân chuyển, thu hồi công nợ...); (ii) hàng tồn kho (về tính luân chuyển, chất lượng các mặt hàng tồn kho ...); (iii) các khoản phải trả khác (về mục đích, hiệu quả sử dụng vốn vay, áp lực về thanh khoản trong ngắn hạn ...); chưa đánh giá quy mô hoạt động, nhân công, phương thức sản xuất, thị trường tiêu thụ, thu thập hợp đồng mua bán... để làm cơ sở xét duyệt cho vay, gồm: (1) Công ty TNHH XD Phát Triển Bình Phước, dư nợ 18.000 triệu đồng; (2) Công ty TNHH MTV Mạnh Phan, dư nợ 463 triệu đồng.

(7) Thẩm định các chỉ số tài chính như hệ số thanh toán nhanh luôn nhỏ hơn 1, chỉ số sinh lời ROE sụt giảm theo thời gian nhưng Chi nhánh chưa phân tích, đánh giá các nguyên nhân để hạn chế rủi ro khi xét duyệt cho vay; Đánh giá tăng trưởng quy mô hoạt động của các năm làm căn cứ cấp tín dụng nhưng doanh số năm sau chỉ đạt 90% so với năm trước, các biên bản thẩm định trực tiếp chưa thể hiện những điểm mạnh của doanh nghiệp, gồm: (1) Công ty CP Xây Dựng Thái Sơn, dư nợ 10.124 triệu đồng; (2) Công ty TNHH MTV Liên Khanh, dư nợ 13.000 triệu đồng; (3) Công ty TNHH TM SX Thiên Triều An, dư nợ 1.961,8 triệu đồng.

Chi tiết trách nhiệm những người có liên quan đến công tác thẩm định cụ thể theo Biểu 08- Tổng hợp các vi phạm về hoạt động cho vay kèm theo.

3.1.2. Đối với các khách hàng cá nhân:

- Chưa đánh giá, thẩm định đầy đủ, chặt chẽ về tính hợp lý, khả thi đối với phương án vay vốn của khách hàng: số liệu để đánh giá về kế hoạch SXKD dựa hoàn toàn trên thông tin của khách hàng cung cấp mà chưa có đối chiếu, so sánh, phân tích cụ thể về đặc điểm của ngành nghề, tình hình thị trường kinh doanh, các khách hàng/nhà cung cấp nguyên vật liệu lớn; Chưa xác định các thuận lợi, khó khăn, rủi ro tiềm ẩn có khả năng ảnh hưởng đến phương án sản xuất kinh

doanh tương lai; chưa có đánh giá, phân tích về chi phí, thu nhập của phương án trên cơ sở xem xét tính hiệu quả của các phương án tương tự trong thực tế.

- Báo cáo thẩm định đánh giá nguồn trả nợ khách hàng chưa đầy đủ, chưa thu thập đầy đủ căn cứ chứng minh nguồn thu nhập, chứng từ chứng minh nguồn đầu vào như hóa đơn, sổ sách ghi chép, hợp đồng kinh tế gần nhất, chứng từ chứng minh đầu ra như bán cho các cá nhân, cơ sở, công ty trên địa bàn, chưa thu thập các hợp đồng mua bán, hóa đơn, sổ sách ghi chép để có cơ sở đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của khách hàng, chưa căn cứ vào sổ sách chứng từ của khách hàng để phân tích các chỉ số liên quan tới hoạt động kinh doanh khách hàng, chỉ ghi chung chung doanh thu hàng tháng của khách hàng.

- Cấp hạn mức tín dụng cho một số khách hàng để chuyển nhượng hoặc bù đắp chuyển nhượng bất động sản nhưng chứng từ cung cấp có sự chênh lệch khá lớn giữa hợp đồng mua bán và hợp đồng chuyển nhượng được công chứng mà không có sự đánh giá tính hợp pháp, hợp lệ. Một số khách hàng có nguồn thu nhập hàng tháng nhưng xét duyệt cho ân hạn gốc 12 tháng/chưa thẩm định khả năng trả nợ sau thời gian ân hạn.

- Thẩm định nguồn trả nợ từ hộ kinh doanh với doanh thu hàng năm khá lớn (trên 10 tỷ đồng) thuộc diện phải thực hiện kê khai thuế theo phương pháp kê khai quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 3; khoản 4 Điều 5 Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nhưng TPBank Đồng Nai thẩm định hoạt động kinh doanh của khách hàng hoàn toàn dựa vào số liệu khách hàng cung cấp, bảng kê doanh thu, hóa đơn bán lẻ hàng hóa dịch vụ ghi chép tay không có thông tin người mua-người bán và chưa thu thập tờ khai thuế của khách hàng, hóa đơn bán hàng áp dụng cho Hộ kinh doanh quy mô lớn để làm cơ sở tin cậy đánh giá quy mô cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Gồm 37 khách hàng (75 HĐTD), với tổng dư nợ là 287.807,7 triệu đồng, cụ thể: (1) Nguyễn Tiến Lạc, dư nợ 11.930 triệu đồng; (2) Hoàng Văn Lập, dư nợ 8.476 triệu đồng; (3) Trương Thái Quốc, dư nợ 6.709 triệu đồng; (4) Ngô Văn Phương, dư nợ 25.973 triệu đồng; (5) Đồng Xuân Sáu, dư nợ 12.570 triệu đồng; (6) Lê Ngọc Tuấn, dư nợ 1.503 triệu đồng; (7) Phan Tuấn Anh, dư nợ 6.000 triệu đồng; (8) Bùi Thị Dung, dư nợ 6.690 triệu đồng; (9) Nguyễn Thị Thu Huyền, dư nợ 5.000 triệu đồng; (10) Nguyễn Công Tường, dư nợ 20.802 triệu đồng; (11) Đinh Văn Đức, dư nợ 5.196 triệu đồng; (12) Lê Hữu Phước, dư nợ 7.000 triệu đồng; (13) Nguyễn Đình Nhân, dư nợ 4.500 triệu đồng; (14) Nguyễn Thị Huệ, dư nợ 4.963,2 triệu đồng; (15) Nguyễn Hoàng Phương Linh, dư nợ 7.066,7 triệu đồng; (16) Trương Thị Ngọc Hậu, dư nợ 1.572,5 triệu đồng; (17) Đinh Xuân Hùng, dư nợ 13.720,9 triệu đồng; (18) Trần Văn Duy, dư nợ 4.146,2 triệu đồng; (19) Trần Thị Thu Hiền, dư nợ 7.000 triệu đồng; (20) Phạm Thị Thúy, dư nợ 4.504,1 triệu đồng; (21) Nguyễn Trọng Tính, dư nợ 3.925 triệu đồng; (22) Nguyễn Thị Nguyệt Nga, dư nợ 7.929 triệu đồng; (23) Đặng Thị Diệu, dư nợ 7.000 triệu đồng; (24) Hà Duy Phương, dư nợ 6.183 triệu đồng; (25) Vũ

Thị Tho, dư nợ 11.379 triệu đồng; (26) Lê Bá Khánh, dư nợ 12.664 triệu đồng; (27) Phan Văn Anh, dư nợ 5.422 triệu đồng; (28) Lê Minh Trung, dư nợ 3.250 triệu đồng; (29) Lê Hoàng Phúc, dư nợ 23.421 triệu đồng; (30) Huỳnh Thị Thu Huyền, dư nợ 2.528 triệu đồng; (31) Lê Văn Thương, dư nợ 1.987 triệu đồng; (32) Phan Việt Cường, dư nợ 3.368,2 triệu đồng; (33) Huỳnh Thị Thiên Thư, dư nợ 4.573 triệu đồng; (34) Phan Trần Đức, dư nợ 71,5 triệu đồng; (35) Trần Luận, dư nợ 13.981,5 triệu đồng; (36) Bùi Út, dư nợ 14.300 triệu đồng; (37) Nguyễn Thị Thúy An, dư nợ 503 triệu đồng.

Chi tiết nội dung ghi nhận và trách nhiệm những người có liên quan đến công tác thẩm định cụ thể theo Biểu 08- Tổng hợp các vi phạm về hoạt động cho vay và Phụ lục 01 đính kèm.

3.2. Về kiểm tra, giám sát vốn vay: Về cơ bản công tác kiểm tra, giám sát vốn vay thực hiện theo quy định nội bộ của TPBank, tuy nhiên nội dung kiểm tra chưa đầy đủ, chặt chẽ; một số khách hàng chưa thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn, chưa thu thập đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến các nội dung được kiểm tra theo hướng dẫn của TPBank; kiểm tra nhưng chưa đánh giá được tình hình hoạt động của khách hàng theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam và Quy định nội bộ của TPBank đối với 50 khách hàng (110 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/10/2023 là 903.620,5 triệu đồng. Cụ thể như sau:

3.2.1. Đối với các KHDN: 18 khách hàng (35 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/10/2023 là 643.613,9 triệu đồng. Thực hiện chưa đầy đủ về phê duyệt cấp tín dụng, quy định nội bộ số 1191/2021/QĐ-TPB ngày hiệu lực 14/7/2021 về Quy định kiểm tra sau cho vay của khách hàng doanh nghiệp, Quy định số 03/2020/QĐ-TPB.HĐQT ngày 13/3/2020 về thẩm định và quản lý tài sản bảo đảmCụ thể:

1) *Khách hàng Công ty cổ phần An Minh Khoa, dư nợ 31.250 triệu đồng:*

Thực hiện tài trợ vốn cho dự án điện năng lượng mặt trời được lắp đặt trên mái trang trại thuộc dự án chăn nuôi Công ty TNHH MTV Hải Thủy, theo thuyết minh và đánh giá dự án đầu tư cùng biên bản họp Hội đồng tín dụng và đầu tư cao cấp ngày 11/12/2020 không được sử dụng nguồn thu của dự án thanh toán chi phí thuê đất (chi phí thuê mái theo hợp đồng=0) nhưng trong thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2021 Công ty cổ phần An Minh Khoa đã thanh toán tiền thuê trại với số tiền 806,6 triệu đồng là chưa đúng tuân thủ theo phê duyệt nhưng chưa trình cấp thẩm quyền để phê duyệt điều chỉnh điều kiện giải ngân; chưa thực hiện đánh giá lại dòng tiền của dự án khi phát sinh thêm khoản chi phí để đánh giá hiệu quả của phương án là chưa chặt chẽ.

2) *Khách hàng Công ty TNHH XD Phát Triển Bình Phước, dư nợ 18.812,5 triệu đồng:*

- Định kỳ hàng tháng chưa đánh giá tiến độ thi công từng dự án theo giai đoạn với hợp đồng đã ký kết; Bảng theo dõi thực hiện tiến độ công trình đã thực hiện đến thời điểm thẩm định là 5 tháng với sản lượng công trình là 19,4 tỷ đồng

chiếm 36% tổng giá trị hợp đồng, phải thu thập hồ sơ thanh toán nghiệm thu đầu tiên (tối đa 4 tháng kể từ thời điểm giải tỏa đầu tiên) và hợp đồng ký kết tại Điều 8 quy định “*tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán...lần thanh toán thu hồi đầu tiên từ chậm nhất là ¼ thời gian thi công, tính từ ngày khởi công*” “*Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo từng đợt nghiệm thu giai đoạn hoàn thành của phần việc xây dựng hoàn thành theo tiến độ thực hiện nhà thầu*” nhưng chưa có hồ sơ nghiệm thu trong khi khoản vốn này nằm trong kế hoạch vốn năm 2023 là 25.580 triệu đồng. Kiểm tra giám sát sau vay nhưng chưa thu thập các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn, nhật ký thi công xây dựng, chưa thu thập hóa đơn chứng từ thanh toán theo từng công trình để đánh giá khối lượng hoàn thành theo sản lượng và so sánh mức độ hoàn thành có tương ứng với giá trị thanh toán của hợp đồng.

- Chưa kiểm soát chặt chẽ mục đích vay vốn dẫn đến tình trạng một số hóa đơn thanh toán tiền cho công ty TNHH TMDV XD Trường Phát đều bị hủy, bị xóa bỏ sau giải ngân; Giải tỏa tiền tạm ứng của bảo lãnh có sai sót không sử dụng được mục đích tiền giải tỏa của khách hàng.

- Tài sản bảo đảm là ô tô hình thành từ vốn vay và khoản vay nhưng TPBank Đồng Nai không thực hiện định giá lại định kỳ tài sản bảo đảm theo quy định tại điểm d Mục 3.3 Điều 11 Quy định số 03/2020/QĐ-TPB.HĐQT ngày 13/3/2020 của về nhận thẩm định và quản lý TSBĐ.

3) Khách hàng Công ty TNHH Đầu tư thương mại Trường Thịnh Phát, dư nợ 8.889 triệu đồng:

- Thực hiện kiểm tra sau vay chưa theo đúng tần suất quy định nội bộ, chưa thu thập đầy đủ tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn trả nợ của khách hàng. Theo báo cáo thẩm định ngày 29/8/2023 cơ cấu nguồn vốn tài trợ vốn lưu động dự kiến do các TCTD khác tài trợ là 32 tỷ đồng và TPBank Đồng Nai cấp hạn mức phần còn lại là 10 tỷ đồng nhưng đến nay dư nợ cho vay tại các TCTD khác là 40 tỷ đồng nhưng TPBank Đồng Nai chưa kịp thời đánh giá nội dung nguồn tài chính của khách hàng để điều chỉnh việc cấp hạn mức cho phù hợp tình hình hoạt động kinh doanh.

- Tài sản bảo đảm là ô tô hình thành từ vốn vay và khoản vay nhưng TPBank Đồng Nai không thực hiện định giá lại định kỳ tài sản bảo đảm theo quy định tại điểm d Mục 3.3 Điều 11 Quy định số 03/2020/QĐ-TPB.HĐQT ngày 13/3/2020 về nhận thẩm định và quản lý TSBĐ.

- Điều kiện phê duyệt: Khách hàng cam kết chuyển doanh thu tương ứng 150% doanh số phát vay về tài khoản của khách hàng tại TPBank. Định kỳ 06 tháng/lần, ĐVKD thực hiện đánh giá cam kết chuyển doanh thu của khách hàng, không bao gồm doanh số nộp tiền mặt. Qua kiểm tra dòng tiền từ tài khoản thanh toán doanh số tiền về (không bao gồm nộp tiền mặt) không đạt theo điều kiện phê duyệt nhưng chưa có biện pháp xử lý theo điều kiện phê duyệt.

4) Khách hàng Công ty TNHH Thanh Liêm, dư nợ 29.187 triệu đồng:

- Tại các Biên bản kiểm tra giám sát sau cho vay trong đó chưa cung cấp chứng từ thể hiện khách hàng đã góp đủ vốn ĐKKD là 130 triệu đồng; Biên bản chưa đánh giá kế hoạch dòng tiền vào từ các hợp đồng dự án và dòng tiền ra với các khoản phải trả; Tại Biên bản ngày 19/12/2023 ghi nhận khách hàng không thực hiện đúng cam kết chuyển doanh thu, tiền từ công trình do TPBank Đồng Nai tài trợ mà chuyển về tài khoản MSB nhưng không kiểm tra thời điểm phát sinh, chưa đánh giá, phân tích nguyên nhân và ghi nhận các giao dịch tín dụng với các TCTD khác và những người liên quan (vợ, con). Đến thời điểm thanh tra Công ty đã có tổng dư nợ 151.466 triệu đồng (trong đó dư nợ TPBank Đồng Nai là 28.758 triệu đồng và 07 TCTD khác).

- Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay, tài sản thế chấp và thực hiện cam kết không đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh và nguồn trả nợ từ các Dự án. Không có biên bản nghiệm thu từng hạng mục công trình trúng thầu do TPBank Đồng Nai tài trợ vốn; định kỳ kiểm tra TSĐB tái cấp, cho vay mới (mục đích vay mua ô tô và thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay) không được định giá lại tài sản định kỳ 12 tháng/lần theo quy định nội bộ.

5) Khách hàng Công ty hữu hạn Chế tạo công nghiệp và gia công chế biến hàng xuất khẩu Việt Nam (VMEP), dư nợ 282.751,6 triệu đồng:

Tại các biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay của khách hàng, cán bộ kiểm tra chỉ ghi chung chung công ty hoạt động bình thường, chưa đánh giá tình hình doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ, doanh thu tới quý III/2023 chỉ đạt gần 2.000 tỷ đồng thấp hơn so với kế hoạch (3.100 tỷ đồng), chi phí gần 1.700 tỷ đồng thấp hơn so với kế hoạch (2.700 tỷ đồng); giải ngân một số khoản vay với mục đích bù đắp chi phí hoạt động kinh doanh, khoản vay tại TCTD khác theo thông tin CIC khoảng 890 tỷ đồng nhưng chưa đánh giá việc giải ngân bù đắp các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh của khách hàng, chưa kiểm soát dòng tiền giải ngân cho các khoản bù đắp được sử dụng vào hoạt động kinh doanh.

6) Khách hàng Công ty TNHH MTV Mạnh Phan, dư nợ 463 triệu đồng:

Thực hiện kiểm tra giám sát vốn vay nhưng tần suất kiểm tra chưa đầy đủ theo quy định nội bộ, chưa thu thập chứng từ đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng; nhận tài sản bảo đảm là ô tô hình thành từ vốn vay nhưng TPBank Đồng Nai không thực hiện định giá lại định kỳ Tài sản bảo đảm theo quy định tại điểm d Mục 3.3 Điều 11 Quy định số 03/2020/QĐ-TPB.HĐQT ngày 13/3/2020 về thẩm định và quản lý TSĐB. TPBank Đồng Nai có tờ trình phân luồng và xử lý nợ năm 2022 nhưng chưa có tài liệu của cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý nợ.

7) Khách hàng Công ty TNHH MTV sản xuất thức ăn chăn nuôi Bình Minh, dư nợ 58.594 triệu đồng, nợ nhóm 5:

Thực hiện kiểm tra sau cho vay nhưng không đánh giá các hạng mục ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của khách hàng trong năm 2022 có sự bất thường của các khoản phải thu (năm 2021 các khoản phải thu 168 tỷ đồng

nhưng năm 2022 các khoản phải thu lên đến 399 tỷ đồng), hàng tồn kho và tài sản cố định giảm sút lớn (tài sản cố định từ 84 tỷ đồng năm 2021 còn 1,2 tỷ đồng năm 2022), ngoài ra dòng tiền từ hoạt động kinh doanh năm 2021, 2022 âm mạnh nhưng không có cảnh báo, đánh giá, phân tích nguyên nhân để có những điều chỉnh kịp thời.

8) *Khách hàng Công ty TNHH Khánh Phong, dư nợ 20.334 triệu đồng:*

Khách hàng vay vốn giải ngân chủ yếu chi trả lương và thanh toán tiền hàng cho Công ty CP Phát triển Công nghệ Sinh Học nhưng không có hợp đồng ký kết năm 2023 với Công ty mua thuốc trị bệnh cho cây trồng. Các chứng từ giải ngân để chi trả lương thưởng cho nhân viên công ty nhưng thực hiện chuyển khoản vào tài khoản cá nhân là người đại diện pháp luật của khách hàng mà không có chứng từ chứng minh thực hiện việc chi trả tiền lương/không có các cam kết về người thụ hưởng về việc không có tài khoản thanh toán. Kiểm tra tài khoản thanh toán thời điểm năm 2023 của khách hàng chủ yếu giải ngân để thực hiện chuyển tiền thanh toán cho Công ty CP Phát triển Công nghệ Sinh Học và 02 phát sinh giao dịch chuyển lương cho nhân viên công ty nhưng vào tài khoản cá nhân mà không thu thập chứng từ xác nhận thực hiện việc chi trả; Về kiểm tra sử dụng vốn vay định kỳ ghi nhận khách hàng doanh số chuyển tiền về >130% tuy nhiên không thống kê số liệu theo dõi giám sát.

9) Thực hiện kiểm tra giám sát vốn vay nhưng chưa thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn; chưa thực hiện đánh giá/thu thập chứng từ chứng minh hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng tại thời điểm kiểm tra như các khoản nợ phải thu, phải trả, doanh thu chi phí, các khoản nợ vay để sớm nhận diện các rủi ro tiềm ẩn để có giải pháp xử lý kịp thời; chưa có báo cáo đánh giá việc khách hàng chuyển dòng tiền về tài khoản của khách hàng mở tại TPBank; chưa thực hiện đánh giá lại TSDB định kỳ để xác định thực tế tài sản của khách hàng, gồm 10 khách hàng: (1) Công ty TNHH MTV TM Việt Thắng Hợp, dư nợ 19.239 triệu đồng; (2) Công ty CP XNK ViNa Đại Việt, dư nợ 14.283 triệu đồng; (3) Công ty CP Hải Đăng, dư nợ 58.350 triệu đồng; (4) Công ty TNHH bao bì giấy Gia Gia Nghi, dư nợ 21.112 triệu đồng; (5) Công ty TNHH TM DV VT Nguyễn Mạnh, dư nợ 18.329 triệu đồng; (6) Công ty TNHH Xây dựng nội thất Én Vàng, dư nợ 15.899 triệu đồng; (7) Công ty TNHH MTV Liên Khanh, dư nợ 13.000 triệu đồng; (8) Công ty Khang Ngọc Diệp Bình Phước, dư nợ 13.150 triệu đồng; (9) Công ty cổ phần Khang Ngọc Diệp, dư nợ 18.970,3 triệu đồng; (10) Công ty TNHH TM SX Thiên Triều An, dư nợ 1.000 triệu đồng.

3.2.2. Đối với các KHCN: bao gồm 32 khách hàng (75 HĐTĐ) với tổng dư nợ thời điểm 31/10/2023 là 206.006,6 triệu đồng, với những tồn tại, hạn chế như:

1) *Khách hàng Hoàng Văn Lập, dư nợ 8.476 triệu đồng:*

Thực hiện Kiểm tra giám sát vốn vay nhưng chưa thu thập chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay tiêu dùng, cho vay mua xe nhưng chưa có hình

ảnh kiểm tra xe vào mỗi kỳ kiểm tra, kiểm tra tình hình nguồn thu và thu nhập của khách hàng nhưng chưa có tài liệu chứng minh như bản kê khai đầu vào đầu ra, bảng kê hàng hoá; bảo hiểm xe còn thời hạn đối với xe cho thuê, phiếu thu, phiếu trả tiền thuê xe, hình ảnh đăng kiểm xe; hợp đồng thuê mặt bằng thuê kho; Biên bản kiểm tra kế hoạch trả nợ trong thời gian tới là từ nguồn thu hợp tác kinh doanh cát không phải ngành nghề hoạt động kinh doanh của khách hàng theo thẩm định; chưa thu thập chứng từ về hợp đồng cho thuê 3 xe ô tô khi hết hạn hợp đồng; chưa định giá lại TSĐB 12 tháng/lần hoặc TSĐB là bất động sản 18 tháng/lần theo quy định nội bộ số 03/2020/QC-TPB.HĐQT ngày 13/3/2020 của HĐQT (Quy định số QC13/TD).

2) Khách hàng Phan Văn Anh, dư nợ 5.672 triệu đồng:

- Thực hiện kiểm tra giám sát sau vay chưa chặt chẽ, chung chung theo mẫu, không thu thập các tài liệu chứng minh hoạt động kinh doanh như hoá đơn mua bán hàng hoá, phải thu phải trả tồn kho, báo cáo kết quả kinh doanh; Chưa đánh giá lại tình hình trả nợ của khách hàng và vợ khi khách hàng phát sinh khoản vay mới 22.000 triệu đồng tại các TCTD và của Công ty TNHH Thiết kế XD TM Đại Thành Phát do khách hàng là người đại diện theo pháp luật phát sinh khoản vay dư nợ tăng thêm 2.000 triệu đồng. Chưa định giá lại giá trị TSĐB là BĐS theo quy định nội bộ 18 tháng/lần (HĐTD số 677/2021/HDTD/TTKD.BHA/01, dư nợ 5.422 triệu đồng).

- Thu thập chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn khoản vay tiêu dùng, mua sắm thiết bị chỉ thu thập đơn đặt hàng, bảng kê mục đích sử dụng vốn do khách hàng ký nhận nhưng chưa có chứng từ mua hàng hóa, hình ảnh hàng hóa (HĐTD số 677/2021/HDTD/TTKD.BHA/02, dư nợ 250 triệu đồng).

3) Khách hàng Nguyễn Đình Nhân, dư nợ 10.511 triệu đồng:

- Đến thời điểm thanh tra, tại phiếu kiểm tra sau cho vay ngày 30/10/2020, 09/4/2021, 19/10/2022 cho thấy không ghi nhận, phân tích đánh giá tài chính phát sinh và nêu nguyên nhân khách hàng thường xuyên đóng gốc & lãi quá hạn (dư nợ 6.011 triệu đồng, HĐTD 657/2020/HĐTD/DNI/01 và 184/2021/HĐTD/DNI/01).

- Tại 02 biên bản ngày 12/4/2023, 30/10/2023 ghi nhận khách hàng mở rộng kinh doanh 10.000 triệu đồng và phát sinh thu nhập 450 triệu đồng từ trang trại gà vịt khoảng 50-60 triệu đồng/tháng nhưng không thu thập đầy đủ chứng từ sổ sách theo dõi từ hoạt động kinh doanh. Đến thời điểm thanh tra, căn cứ sao kê trả gốc, lãi vay hàng tháng của khách hàng cho thấy khách hàng trả nợ thường xuyên không đúng thời gian quy định ngày 05 và ngày 30 theo KUNN nhưng trong biên bản kiểm tra định kỳ không đề cập đến lí do khách hàng trả trễ xuyên suốt của 03 khoản vay; chưa thu thập Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi với quy mô kinh doanh thực tế tương đối lớn của khách hàng. Qua thông tin tra cứu CIC tại thời điểm thanh tra, khách hàng đang có dư nợ tại 02 TCTD khác với dư nợ 7.887 triệu đồng nhưng biên bản kiểm tra không cập nhật kịp thời theo dõi tổng dư nợ phát sinh để đánh giá lại khả năng tài chính của khách hàng. Như vậy, TPBank Đồng Nai chưa

theo dõi, kiểm soát chặt chẽ tài chính của khách hàng và nhóm người có liên quan. (HĐTD số 830/2021/HĐTD/DNI/01, dư nợ 4.500 triệu đồng).

- Chưa kiểm tra tính chính xác, hợp lý, hợp pháp khi chênh lệch giá trị giữa Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Hợp đồng đặt cọc mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

4) Thực hiện kiểm tra, giám sát nhưng chưa thu thập tài liệu chứng minh tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn trả nợ của khách hàng; nhận tài sản đảm bảo/tài sản hình thành từ vốn vay là phương tiện vận tải nhưng không định giá lại định kỳ theo quy định tại điểm d Mục 3.3 Điều 11 Quy định số 03/2020/QĐ-TPB.HĐQT ngày 13/3/2020 về thẩm định và quản lý tài sản bảo đảm đối với 02 khách hàng *Phan Đức Trần, dư nợ 71,5 triệu đồng, Phạm Thị Thủy, dư nợ: 5.880,5 triệu đồng.*

5) Thực hiện kiểm tra giám sát vốn vay chưa chặt chẽ, biên bản kiểm tra chưa đầy đủ thông tin, chưa thu thập tài liệu đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, chưa thực hiện kiểm tra sau cho vay theo tần suất quy định nội bộ số 100/2023/QĐ-TPB.RM ngày 03/02/2023 và Quy định số 761/2023/QĐ-TPB.CM ngày 27/6/2023 của Tổng Giám đốc TPBank Quy định kiểm tra sau cho vay của khách hàng cá nhân... gồm 08 khách hàng: (1) *Nguyễn Tiến Lạc, dư nợ 11.930 triệu đồng;* (2) *Trương Thái Quốc, dư nợ 6.709 triệu đồng;* (3) *Lê Minh Trung, dư nợ 3.250 triệu đồng;* (4) *Lê Hoàng Phúc, dư nợ 23.421 triệu đồng;* (5) *Trần Luận, dư nợ 14.846,1 triệu đồng;* (6) *Nguyễn Thị Nguyệt Nga, dư nợ 7.929 triệu đồng;* (7) *Phan Viết Cường, dư nợ 3368,2 triệu đồng;* (8) *Đặng Thị Dịu, dư nợ 7.000 triệu đồng.*

6) Thu thập chứng từ chứng minh nguồn thu nhập của khách hàng nhưng không đầy đủ thông tin, chưa cung cấp kịp thời giấy phép kinh doanh theo cam kết tại một số thời điểm kiểm tra sau vay đối với khách hàng *Nguyễn Hoàng Phương Linh, dư nợ 8.000 triệu đồng;* chưa thu thập chứng từ thể hiện thu nhập từ hoạt động kinh doanh, không đánh giá tài chính của khách hàng khi phát sinh các khoản vay mới tại các TCTD khác đối với khách hàng *Trương Thị Ngọc Hậu, dư nợ 1.800 triệu đồng;* Thiếu biên bản đánh giá lại TSĐB và kiểm tra thực tế định kỳ khách hàng khi phát sinh nợ nhóm 2 đối với khách hàng *Nguyễn Trọng Tĩnh, dư nợ 3.925 triệu đồng.*

7) Thực hiện kiểm tra sau cho vay nhưng chưa đánh giá đầy đủ tình hình hoạt động của khách hàng tại các thời điểm kiểm tra như nguồn thu nhập, nguồn trả nợ...chưa đánh giá tình hình sử dụng vốn vay; chưa thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn, chưa thực hiện việc nhắc nhở đôn đốc khi khách hàng không thanh toán được nợ lãi, gồm 11 khách hàng: (1) *Ngô Văn Phương, dư nợ 25.973 triệu đồng;* (2) *Đồng Xuân Sáu, dư nợ 12.570 triệu đồng;* (3) *Lê Ngọc Tuấn, dư nợ 1.503 triệu đồng;* (4) *Phan Tuấn Anh, dư nợ 6.000 triệu đồng;* (5) *Bùi Thị Dung, dư nợ 6690 triệu đồng;* (6) *Nguyễn Thị Thu Huyền, dư nợ 5.000 triệu đồng;* (7) *Nguyễn Công Tường, dư nợ 20.802 triệu đồng;* (8) *Đinh Văn Đức, dư nợ 5.196 triệu đồng;* (9) *Đinh Xuân Hùng, dư nợ 13.720,9 triệu đồng*

(HĐTD số 466/2022/HĐTD/DN và số 660/2022/HĐTD/DNI: Thiếu hợp đồng mua bán BĐS có công chứng, giấy tờ chứng minh việc sử dụng vốn vay của khách hàng nhằm bù đắp nguồn vốn tự có); (10) Trần Văn Duy, dư nợ 11.192,7 triệu đồng; (11) Phạm Thị Thủy, dư nợ 3770,1 triệu đồng.

8) Khách hàng không cung cấp được giấy chủ quyền đã sang tên theo cam kết nhưng ĐVKD không có biên bản nhắc nhở đôn đốc đối với khách hàng Huỳnh Thị Thu Huyền, dư nợ 2.528 triệu đồng; chưa thực hiện đánh giá mục đích sử dụng vốn của khách hàng, chưa thực hiện đánh giá lại TSĐB theo Quy định số QC13/TĐ đối với khách hàng Hà Duy Phương, dư nợ 6.183 triệu đồng; Không báo cáo xếp hạng tín dụng 1 năm/1 lần theo quy định tại Quy chế số 22/2021/QC-TPB.HĐQT ngày 31/10/2021 của HĐQT về việc ban hành quy chế xếp hạng tín dụng nội bộ, chưa thu thập chứng từ chứng minh nguồn thu nhập từ doanh nghiệp, biên bản kiểm tra sau vay không kết luận nội dung kiểm tra đối với khách hàng Vũ Thị Tho, dư nợ 11.379 triệu đồng.

9) Giải ngân tiền mặt để thanh toán cho người thụ hưởng không có tài khoản thanh toán tại các tổ chức cung ứng dịch vụ nhưng chưa thu thập chứng từ xác nhận của bên thụ hưởng đã nhận tiền; giải ngân để thanh toán cho người thụ hưởng nhưng không có chứng từ xác nhận đã được thanh toán, gồm 02 khách hàng (1) Trương Thái Quốc, dư nợ 6.709 triệu đồng; (2) Nguyễn Thị Huệ, dư nợ 4.963,16 triệu đồng.

10) Các chi phí mua hàng hóa, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn là Bảng kê chi phí mua hàng do khách hàng tự lập, không đầy đủ thông tin người bán hàng, Chi nhánh thực hiện giải ngân vào tài khoản khách hàng nhưng chưa đưa ra những biện pháp kiểm soát dòng tiền giải ngân nhằm hạn chế rủi ro trong việc sử dụng vốn vay, gồm 02 khách hàng: (1) Đinh Xuân Hùng, dư nợ 1.000 triệu đồng (HĐTD số 429/2023/HĐTD/DNI); (2) Phạm Thị Thủy, dư nợ 734 triệu đồng (HĐTD số 483/2023/HĐTD/DNI và HĐTD số 482/2023/HĐTD/DNI); Thực hiện giải ngân để chi trả cho người thụ hưởng với mục đích tiêu dùng chỉ có biên bản nhận tiền mặt ba bên mà không rõ hàng hóa kinh doanh của người thụ hưởng cung cấp, kiểm tra việc sử dụng vốn vay chưa chặt chẽ gồm 02 khách hàng: (1) Lê Bá Khánh, dư nợ 15.189 triệu đồng; (2) Huỳnh Thị Thiên Thư, dư nợ 2.368 triệu đồng.

Chi tiết trách nhiệm những người có liên quan trong việc thực hiện kiểm tra sau cho vay được nêu tại Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay.

3.3. Về hồ sơ vay vốn:

TPBank Đồng Nai thực hiện cho vay nhưng chưa thu thập đầy đủ hồ sơ vay vốn theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và quy định nội bộ của TPBank đối với 12 khách hàng (28 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/10/2023 là 87.758,5 triệu đồng. Cụ thể:

(1) Khách hàng Nguyễn Đình Nhân, dư nợ 6.011 triệu đồng: nguồn thu nhập chính từ hoạt động chăn nuôi, kinh doanh nhưng chưa thu thập đầy đủ chứng từ thể

hiện thu nhập từ kinh doanh của khách hàng như có hợp đồng mua bán với Công ty cổ phần CP, Công ty Carill chỉ trưng trưng một số chứng từ không thể hiện doanh thu hàng tháng hay sổ sách ghi chép hàng tháng hoặc các hóa đơn nộp thuế của hộ kinh doanh cá thể.

(2) Khách hàng Nguyễn Thị Huệ, dư nợ 4.963,2 triệu đồng: không có chứng từ xác thực chứng minh các nguồn thu nhập từ kinh doanh chăn ga gối nệm, cho thuê phòng trọ và kinh doanh café như Giấy phép kinh doanh, biên lai nộp thuế, sổ sách theo dõi thu, chi hay sao kê tài khoản của khách hàng.

(3) Không thu thập chứng từ chứng minh nguồn thu nhập của khách hàng như: sổ sách ghi chép thu chi hoạt động kinh doanh, xác nhận công nợ, Giấy phép kinh doanh, hóa đơn nộp thuế, không có lập sổ quản lý dịch vụ để theo dõi thông tin khách hàng giao dịch, các khoản thu - chi của cửa hàng, danh sách các loại tài sản cầm cố...: gồm Khách hàng Trương Thị Ngọc Hậu, dư nợ 1.572,49 triệu đồng, Khách hàng Nguyễn Hoàng Phương Linh, dư nợ 7.066,7 triệu đồng.

(4) Chứng từ thu thập là những bảng kê doanh thu, chi phí, tổng hợp bán hàng trong tháng do khách hàng tự lập, với quy mô hoạt động kinh doanh nông sản tương đối lớn nhưng chỉ có các bảng kê bán hàng, chưa thu thập hợp đồng mua bán, biên lai nộp thuế trong 06 tháng gần nhất, sổ sách theo dõi kinh doanh của khách hàng, hóa đơn VAT/Hóa đơn bán lẻ, phiếu giao hàng, phiếu thu/chi tiền mặt, phiếu giao nhận/nhập kho/xuất kho nhằm đánh giá tình hình thực tế kinh doanh của khách hàng, gồm 06 khách hàng: (1) Trần Luận, dư nợ: 14.846,1 triệu đồng; (2) Đinh Xuân Hùng, dư nợ: 13.720,9 triệu đồng; (3) Phạm Thị Thủy, dư nợ: 5.880,5 triệu đồng; (4) Nguyễn Trọng Tính, dư nợ 3.925 triệu đồng; (5) Phan Viết Cường, dư nợ 3.368,2 triệu đồng; (6) Hà Duy Phương dư nợ 6.183 triệu đồng.

(5) Khách hàng Lê Bá Khánh, dư nợ 15.189 triệu đồng: nguồn thu nhập từ hoạt động đại lý Khánh Lý cung cấp thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, nguồn thu nhập từ chăn nuôi vịt với lực lượng 15 nhân viên từ 3 trang trại nuôi vịt thịt với chu kỳ mỗi lứa 45 ngày đây là nguồn thu nhập chính của khách hàng. Tuy nhiên chưa có chứng từ chứng minh chăn nuôi vịt thịt, với số lượng trung bình 30.000 con/lứa theo quy mô vừa quy định tại Nghị định 13/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 46/2022/NĐ-CP cần đảm bảo đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 57 của Luật Chăn nuôi.

(6) Khách hàng Lê Minh Trung, dư nợ 3.250 triệu đồng: chưa thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh phương án vay vốn như hợp đồng đặt cọc, hợp đồng mua bán công chứng thửa đất số 82, tờ bản đồ số 87 tại phường Phước Tân, thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa Vũng Tàu.

Chi tiết cụ thể và trách nhiệm những người có liên quan được nêu tại Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay.

3.4. Cảnh báo rủi ro:

(1) Công ty TNHH Xây dựng phát triển Bình Phước: doanh thu của Công ty qua các năm có xu hướng giảm, trong khi dư nợ có xu hướng ngày càng tăng,

TPBank Đồng Nai cần tăng cường kiểm tra giám sát sau vay, theo dõi tiến độ thi công công trình đảm bảo khối lượng công trình phù hợp với dòng tiền giải ngân, kiểm soát chặt chẽ mục đích vay tránh nhiều tổ chức tín dụng cùng tài trợ cho một khoản vay.

(2) *Nhóm khách hàng liên quan:* Công ty TNHH MTV My Anh, dư nợ 62.396 triệu đồng, Công ty cổ phần An Minh Khoa, dư nợ 31.616,5 triệu đồng, Công ty cổ phần Khang Ngọc Diệp, dư nợ 18.970,3 triệu đồng, Công ty TNHH Khang Ngọc Diệp Bình Phước, dư nợ 13.150 triệu đồng, Công ty TNHH An Minh Khoa Bình Phước, dư nợ 13.150 triệu đồng là các Khách hàng vay vốn thuộc nhóm khách hàng liên quan đến Công ty TNHH My Anh, nhóm khách hàng Công ty TNHH Hải Thủy và khách hàng Đoàn Thị Thanh Thủy với tổng dư nợ gần 240 tỷ đồng chủ yếu tập trung lĩnh vực sản xuất điện mặt trời áp mái trên các trang trại chăn nuôi và đầu tư trang trại chăn nuôi ký kết với Công ty cổ phần CP (CP), Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), việc kiểm soát chứng từ đầu tư giữa các dự án chưa được tách bạch, các tài liệu thể hiện việc kiểm soát sau cho vay vẫn còn thiếu sót, nguồn thu nhập chủ yếu từ EVN và Công ty cổ phần CP, tài sản đảm bảo chủ yếu là hợp đồng các khoản phải thu, quyền đòi nợ. TPBank Đồng Nai cần theo dõi, kiểm soát chặt chẽ nguồn thu nhập từ sản lượng sản xuất điện và các điều kiện tuân thủ trang trại, đánh giá tình hình hoạt động thường xuyên nhằm hạn chế rủi ro nhất là các điều chỉnh về chính sách giá mua bán điện, hợp đồng kinh tế với CP để có các biện pháp xử lý kịp thời đảm bảo thu hồi các khoản nợ vay đúng hạn.

Đối với dự án của Công ty cổ phần An Minh Khoa, Công ty TNHH An Minh Khoa Bình Phước, Công ty TNHH Khang Ngọc Diệp Bình Phước, Công ty TNHH MTV My Anh có thông tin trên Biên bản nghiệm thu chất lượng của Công ty Điện lực khác với hợp đồng đầu nối được ký kết và phương án vay vốn do TPBank Đồng Nai tài trợ lắp đặt về các thông số như số lượng tấm pin, nhãn hiệu, công suất thiết kế có thể dẫn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh không phù hợp theo phương án thẩm định ban đầu, tài sản đảm bảo bị thiếu hụt, không đúng hiện trạng. TPBank Đồng Nai cần kiểm tra toàn bộ dự án, đánh giá lại TSĐB, xác định nguyên nhân chênh lệch để có ứng xử tín dụng phù hợp (trường hợp có sự khác biệt so với phương án thẩm định ban đầu cần tiến hành đánh giá lại dòng tiền và hiệu quả của dự án).

(3) *Công ty hữu hạn chế tạo công nghiệp và gia công chế biến hàng xuất khẩu Việt Nam (VMEP), dư nợ: 282.751,6 triệu đồng:* Công ty đang bị lỗ qua các năm. Thời điểm tại 31/12/2020, công ty lỗ 158.768 triệu đồng, thời điểm năm 31/12/2021 lỗ là 152.103 triệu đồng. Tại thời điểm 31/12/2022 lỗ là 30.416 triệu đồng. Với tình hình tài chính nêu trên, hoạt động kinh doanh của khách hàng không hiệu quả khi chi phí kinh doanh qua các năm tăng, Chi nhánh cần theo dõi chặt chẽ thường xuyên, tình hình tài chính, yêu cầu khách hàng có biện pháp cải thiện tình trạng lỗ hàng năm, nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh hạn chế ảnh hưởng tới khả năng trả nợ cho ngân hàng.

(4) *Khách hàng Lê Bá Khánh dư nợ 15.189 triệu đồng:* kinh doanh, chăn nuôi nhưng tính pháp lý trên hồ sơ chưa thể hiện được đăng ký kê khai đầy đủ,

nguồn thu nhập được ghi chép tính pháp lý chưa cao nên khó kiểm soát doanh thu từ hoạt động kinh doanh của khách hàng, tài sản đảm bảo được xây dựng nhưng chưa được cấp phép, đơn vị tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ yêu cầu khách hàng trong công tác phòng ngừa dịch bệnh, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường chăn nuôi nhằm hạn chế rủi ro ảnh hưởng đến nguồn thu nhập.

(5) Thực hiện định giá TSĐB là đất trồng cây lâu năm với hệ số K cao (hệ số K cao gấp nhiều lần có tài sản với hệ số K đến 50 so với giá nhà nước) nhưng đất ở vị trí mật độ khu dân cư thấp, không thuộc làng nghề, khó thanh khoản nhưng định giá đất trồng cây lâu năm theo giá trị thị trường, cơ sở xác định đang so sánh trên các giao dịch rao bán nhưng chưa thành công, do đó rất khó xử lý tài sản khi khách hàng không trả được nợ, gồm những khách hàng: (1) *Trần Luận*, dư nợ: 14.846,1 triệu đồng; (2) *Đình Xuân Hùng*, dư nợ: 13.720,9 triệu đồng; (3) *Trần Thị Thu Hiền*, dư nợ: 7.000 triệu đồng; (4) *Công ty TNHH TM DV Kiệm Xuân*, dư nợ: 10.901,5 triệu đồng; (5) *Công ty TNHH Đồng Thuận Hà*, dư nợ 56.462 triệu đồng; (6) *Bùi Út*, dư nợ 14.300 triệu đồng.

4. Thanh tra việc chấp hành quy chế bảo lãnh; hoạt động chiết khấu

4.1. Các quy trình, quy định nội bộ về bảo lãnh, chiết khấu

TPBank đã ban hành một số quy định như: Quy chế bảo lãnh ngân hàng số 06/2023/QC-TPB.HĐQT ngày 01/04/2023; sản phẩm bảo lãnh cho Khách hàng Doanh nghiệp và Khách hàng Cá nhân số 33/2023/SP-TPB.CB ngày 23/09/2023; sản phẩm bảo lãnh nhanh dành cho Khách hàng Doanh nghiệp số 438/2020/QĐ-TPB.CB ngày 04/05/2020.

- Theo số liệu báo cáo, thực trạng cấp bảo lãnh tại TPBank Đồng Nai qua một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2021	Thời điểm 31/12/2022	Thời điểm 31/10/ 2023	So sánh thời điểm 31/10/2023 với			
					31/12/2021		31/12/2022	
					Số tiền	%	Số tiền	%
I	Tổng dư nợ bảo lãnh	340,58	580,58	1.029,23	688,65	202,20	448,65	77,28
	Trong đó							
1	Bảo lãnh vay vốn	-	-	-	-		-	
2	Bảo lãnh thanh toán	-	-	17,41	17,41		17,41	
3	Bảo lãnh dự thầu	8,30	17,44	21	12,70	152,89	3,56	20,40
4	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	35,99	84,58	140,81	104,82	291,27	56,22	66,47
5	Bảo lãnh đảm bảo chất lượng sản phẩm	14,14	26,29	35,41	21,23	150,36	9,12	34,69
6	Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước	271,57	450,69	805,19	533,63	196,50	354,50	78,66
7	Bảo lãnh đối xứng	-	-	-	-	-	-	-
8	Xác nhận bảo lãnh	-	-	-	-	-	-	-
9	Bảo lãnh khác	10,58	1,58	9,42	-1,16	-10,98	7,839	496,14
II	Dư nợ cho vay bắt buộc	-	-	-	-	-	-	-
1	Nội tệ (VND)	-	-	-	-	-	-	-
2	Ngoại tệ (Quy VND)	-	-	-	-	-	-	-

Các loại bảo lãnh phát sinh chủ yếu là bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước. Trong quá trình thực hiện bảo lãnh, TPBank Đồng Nai đã phát sinh trường hợp phải thực hiện trả thay khoản bảo lãnh đối với

khách hàng Công ty TNHH MTV sản xuất thức ăn chăn nuôi Bình Minh với số tiền 34.284 triệu đồng. Nguyên nhân Công ty TNHH MTV sản xuất thức ăn chăn nuôi Bình Minh không còn nguồn thanh toán, hoạt động gặp khó khăn từ việc ảnh hưởng đại dịch Covid-19, các khoản phải thu chậm thu hồi, khách hàng không đủ nguồn trả nợ nên nhận nợ bắt buộc từ các khoản thanh toán LC đến hạn.

4.2. Kết quả kiểm tra hồ sơ cấp bảo lãnh:

Tiến hành kiểm tra chọn mẫu việc thực hiện cấp bảo lãnh cho 06 khách hàng, tổng số dư bảo lãnh thời điểm 31/10/2023 là 706,69 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 68,66% tổng số dư bảo lãnh, cụ thể: (1) Công ty TNHH Khánh Phong, số dư 3.721 triệu đồng; (2) Công ty TNHH Đồng Thuận Hà, số dư 227.455 triệu đồng; (3) Công ty CP XD công trình giao thông Thái Sơn, số dư 41.416,6 triệu đồng; (4) Công ty TNHH XD Phát triển Bình Phước, dư nợ 20.462,5 triệu đồng; (5) Công ty TNHH XD Trường An Thịnh, số dư 182,6 triệu đồng; (6) Công ty CP Hải Đăng, số dư 413.450,2 triệu đồng.

Kết quả kiểm tra TPBank Đồng Nai chấp hành các quy định về nghiệp vụ bảo lãnh tại Thông tư số 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015, Thông tư số 13/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2015/TT-NHNN, Thông tư số 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 của Ngân hàng Nhà nước quy định về bảo lãnh ngân hàng.

5. Thanh tra việc thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro; Xử lý nợ có vấn đề và thu hồi nợ ngoại bảng sau khi xử lý rủi ro

5.1. Về phân loại nợ, trích lập dự phòng

5.1.1. Thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng

Theo hồ sơ, tài liệu TPBank Đồng Nai cung cấp, tình hình phân loại nợ, trích lập DPRR và sử dụng DPRR tại một số thời điểm, như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Thời điểm Quý IV/2020			Thời điểm Quý IV/2021			Thời điểm Quý IV/2022			Thời điểm 31/10/2023		
	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dư nợ	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1. Tổng dư nợ nội bảng	2.909.506	21.974	16.593	3.675.145	27.966	6.095	4.369.061	32.917	3.046	4.224.212	31.286	52.643
2. Phân loại nợ	2.909.506	21.974	16.593	3.675.145	27.966	6.095	4.369.061	32.917	3.046	4.224.212	31.286	52.643
- Nhóm 1	2.859.660			3.613.869			4.257.143			3.787.403		
- Nhóm 2	22.565			50.168		900	94.442		1.416	190.543		2.087
- Nhóm 3	7.695			9.390		1.912	10.695		936	95.075		3.544
- Nhóm 4	13.235			1.248		2.230	5.249		359	89.211		8.553
- Nhóm 5	6.351			470		1.053	1.532		335	61.979		38.460
3. Tỷ lệ nợ xấu	0,94%			0,30%			0,40%			5,83%		

4. Dự phòng rủi ro tín dụng	38.567			34.061			35.963			83.928		
- Dự phòng chung	21.974			27.966			32.917			31.286		
- Dự phòng cụ thể	16.593			6.095			3.046			52.643		

5.1.2. Kết quả thanh tra:

Trong thời kỳ thanh tra, định kỳ hàng tháng/quý, TPBank Đồng Nai thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng và cập nhập thông tin từ CIC để điều chỉnh kết quả phân loại, trích lập dự phòng theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 và Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đoàn thanh tra kiểm tra việc phân loại nợ, trích lập dự phòng tại một số thời điểm 30/11/2020; 31/12/2021; 31/12/2022; 31/10/2023 nhận thấy TPBank Đồng Nai đã thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng theo đúng quy định.

5.2. Về tình hình xử lý nợ xấu; công tác theo dõi, giám sát xử lý nợ xấu, nợ có vấn đề, công tác đôn đốc, thu hồi nợ đã xử lý rủi ro.

5.2.1. Tình hình xử lý nợ xấu:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hình thức xử lý nợ xấu	Số tiền đã xử lý được nợ xấu tính đến thời điểm			
		31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/10/2023
1	Khách hàng thực hiện trả nợ	13.148,52	6.480,26	17.109,84	37.524,64
2	Bán, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ	4.525,90	143,34	284,17	-
3	Sử dụng dự phòng rủi ro	3.782,17	30.643,99	6.392,67	402,93
4	Bán nợ xấu (bán cho VAMC, bán cho tổ chức khác, bán cho DATC...)	23.566,36	42.782,56	42.353,26	58.760,49
5	Hình thức xử lý nợ xấu khác	509,75	19,38	-	7,69
Tổng số nợ xấu đã xử lý trong năm		45.532,71	80.069,53	66.139,93	96.695,75

Từ thời điểm 01/01/2023 đến 31/10/2023 số dư nợ xấu đã xử lý là 96.696 triệu đồng, trong đó: khách hàng trả nợ 37.525 triệu đồng, sử dụng dự phòng rủi ro 403 triệu đồng, bán nợ 58.760 triệu đồng, hình thức khác 7,69 triệu đồng.

Từ năm 2020 đến 31/10/2023 TPBank Đồng Nai xử lý nợ xấu chủ yếu thông qua các hình thức khách hàng trả nợ, sử dụng dự phòng, bán nợ cho Công Ty Cổ Phần Mua Bán Nợ và Quản lý Tài sản Việt Nam và Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Đầu tư Khai Phong.

- Với nhiều biện pháp thu hồi nợ xấu được áp dụng, việc thu hồi nợ xấu hàng năm đạt kết quả tương đối tốt. Tuy nhiên, đến thời điểm thanh tra tỷ lệ nợ xấu là 6,06% ở mức cao hơn mục tiêu đặt ra tại kế hoạch kinh doanh là duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 2%.

- Nguyên nhân phát sinh nợ xấu:

+ Nguyên nhân khách quan: Dịch bệnh Covid-19 làm ảnh hưởng nặng nề đến tình hình sản xuất của khách hàng, một số khách hàng nguồn thu giảm sút do nguồn tiền chậm trả từ đối tác.

+ Nguyên nhân chủ quan: việc đánh giá thu thập chứng từ chứng minh khả năng trả nợ của khách hàng chưa được thực hiện đầy đủ, phân tích tình hình tài chính, chưa đánh giá rủi ro của khách hàng khi xem xét đến các chỉ tiêu trọng yếu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh để chủ động xem xét trong việc cấp tín dụng, việc kiểm tra giám sát sau cho vay chưa chặt chẽ để kịp thời phát hiện các dấu hiệu bất thường dẫn đến rủi ro mất vốn.

5.2.2. Về theo dõi, giám sát và xử lý nợ xấu nợ có vấn đề

Nhìn chung, việc theo dõi, giám sát và xử lý các khoản vay có vấn đề cơ bản bám sát các nội dung theo quy định nội bộ số 13/2019/QC-TPB HĐQT ngày 20/4/2019 của HĐQT về quy chế theo dõi giám sát xử lý nợ có vấn đề. Tuy nhiên, công tác theo dõi, giám sát và xử lý nợ xấu còn tồn tại một số vấn đề như sau:

- Khoản vay phát sinh nợ nhóm 2 trở lên nhưng chưa có biên bản làm việc với khách hàng để kiểm tra thực tế nguồn trả nợ, tài sản đảm bảo, đánh giá khả năng trả nợ và thu hồi nợ cho TPBank, chưa có biên bản đôn đốc nhắc nợ, thông báo quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn cho khách hàng, xây dựng phương án, kế hoạch trả nợ theo quy định nội bộ về đôn đốc thu hồi nợ.

- Thực hiện tờ trình về phân luồng xử lý nợ có vấn đề còn chậm so với quy định và chưa có phê duyệt phân luồng xử lý nợ có vấn đề của cấp thẩm quyền.

Cụ thể:

- Thực hiện xử lý nợ có vấn đề chưa đầy đủ theo quy định số 44/2023/QT-TPB.CM ngày 10/7/2023 của Tổng Giám đốc TPBank về Quy trình theo dõi, giám sát và xử lý nợ có vấn đề đối với khách hàng cá nhân (QT09/CN/TD) như: chưa có văn bản đôn đốc nhắc nợ, thông báo ngày chuyển nợ quá hạn, chưa thực hiện quy trình thu hồi nợ, chưa kiểm tra thực tế TSBĐ 01 lần ngay khi khách hàng phát sinh nợ có vấn đề theo quy định nội bộ về kiểm tra giám sát sau đối với khách hàng *Phan Văn Anh*, dư nợ 5.672 triệu đồng.

- Khoản vay phát sinh nợ quá hạn nhưng chưa có biên bản làm việc với khách hàng để kiểm tra thực tế nguồn trả nợ, tài sản đảm bảo, đánh giá khả năng trả nợ và thu hồi nợ cho TPBank, biên bản đôn đốc nhắc nợ, thông báo quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn cho khách hàng theo quy định nội bộ về quy trình theo dõi và xử lý nợ có vấn đề; không thực hiện kiểm tra và đánh giá thông tin ngay khi khách hàng trả nợ trễ hạn đối với khách hàng *Lê Hoàng Phúc*, dư nợ 23.421 triệu đồng.

- Khoản vay phát sinh quá hạn nhưng ngân hàng chưa xây dựng phương án, đánh giá kế hoạch trả nợ, chưa làm việc với khách hàng nắm bắt tình hình kinh doanh khó khăn để xây dựng phương án, lộ trình trả nợ, chỉ xử lý nợ bằng cách rao

bán BĐS gồm 03 khách hàng: Đinh Xuân Hùng, dư nợ 13.720,9 triệu đồng; Trần Luận, dư nợ 14.846,1 triệu đồng; Phạm Thị Thủy, dư nợ 4.504,1 triệu đồng.

5.2.3. Thực trạng sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng và thu hồi nợ ngoại bảng sau khi xử lý rủi ro

Theo số liệu báo cáo của TPBank Đồng Nai tình hình sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng và thu hồi nợ ngoại bảng đã xử lý rủi ro ở một số thời điểm trong thời kỳ thanh tra như sau:

+ Thời điểm 31/12/2020, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý đang hạch toán ngoại bảng là 7.155 triệu đồng, bao gồm 34 khách hàng. Trong đó, một số khách hàng có dư nợ lớn được XLRR như Công ty TNHH Phan Trí Đức với số tiền 1.999 triệu đồng, Nguyễn Ngọc Toàn với số tiền 530 triệu đồng (chiếm 35,4% trên tổng dư nợ được xử lý đang hạch toán ngoại bảng).

Trong kỳ từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 Chi nhánh đã dùng dự phòng để xử lý cho 17 khách hàng với số tiền là 3.782 triệu đồng. Đồng thời thu hồi nợ gốc đã xử lý rủi ro được 06 khách hàng với số tiền 1.077 triệu đồng.

+ Thời điểm 31/12/2021, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý đang hạch toán ngoại bảng là 36.586 triệu đồng, bao gồm 83 khách hàng. Trong đó, một số Khách hàng có dư nợ lớn được XLRR như Võ Thành Nam với số tiền 3.742 triệu đồng, Công ty TNHH TM DV VT Thuyền Trung với số tiền 1.664 triệu đồng, Trần Thị Mỹ Ngân dư nợ 1.525 triệu đồng, Công ty TNHH Phan Trí Đức với số tiền 1.999 triệu đồng (chiếm 24,41 % trên tổng dư nợ được xử lý đang hạch toán ngoại bảng).

Trong kỳ từ 01/01/2021 đến 31/12/2021, Chi nhánh sử dụng dự phòng để xử lý cho 54 khách hàng với số tiền 30.644 triệu đồng. Đồng thời, thu hồi nợ gốc đã xử lý rủi ro được 10 khách hàng, số tiền 1.212 triệu đồng.

+ Thời điểm 31/12/2022, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý đang hạch toán ngoại bảng là 40.234 triệu đồng, bao gồm 97 khách hàng. Một số Khách hàng có dư nợ lớn được XLRR là các khách hàng đã được xử lý rủi ro còn dư nợ ngoại bảng duy trì từ năm 2021.

Trong kỳ từ 01/01/2022 đến 31/12/2022, Chi nhánh sử dụng dự phòng để xử lý 20 khách hàng với số tiền 6.393 triệu đồng. Thu hồi nợ gốc đã xử lý rủi ro được 11 khách hàng, số tiền 2.745 triệu đồng.

+ Thời điểm 31/10/2023, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý đang hạch toán ngoại bảng là 38.959 triệu đồng, bao gồm 95 khách hàng. Một số Khách hàng có dư nợ lớn được XLRR là các khách hàng đã được xử lý rủi ro còn dư nợ ngoại bảng duy trì từ năm 2021.

Trong kỳ từ 01/01/2023 đến 31/10/2023, Chi nhánh sử dụng dự phòng để xử lý 01 khách hàng với số tiền 403 triệu đồng. Thu hồi nợ gốc đã xử lý rủi ro được 6 khách hàng, số tiền 1.677 triệu đồng.

Nhận xét: Về cơ bản TPBank đã ban hành tương đối đầy đủ các quy định nội bộ về xử lý nợ có vấn đề, xử lý rủi ro tín dụng, thu hồi nợ ngoại bảng đã xử lý rủi ro, làm cơ sở để các đơn vị kinh doanh triển khai thực hiện. Việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro của TPBank Đồng Nai tương đối hiệu quả và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh. Việc thu hồi nợ đã XLRR được giao cụ thể cho các bộ phận xử lý nợ chuyên trách thuộc Hội sở.

Tuy nhiên, kết quả công tác quản lý nợ có vấn đề và thu hồi nợ ngoại bảng đã xử lý rủi ro cũng chưa thật sự hiệu quả, khó có khả năng thu hồi, thực tế từ năm 2020 đến thời điểm 31/10/2023 tỷ lệ thu hồi nợ đã xử lý rủi ro của TPBank Đồng Nai rất thấp so với nợ đã xử lý rủi ro, mức thu hồi đạt bình quân khoảng 3%/năm. Nguyên nhân xuất phát từ nhiều yếu tố khách quan và chủ quan gây khó khăn, tồn tại trong việc thu giữ và xử lý tài sản đảm bảo, thu hồi nợ xấu như:

- Trong quá trình thu giữ, xử lý tài sản bảo đảm khách hàng không hợp tác trong khi sự vào cuộc của chính quyền địa phương còn yếu, chưa đồng đều, chưa quyết liệt; Thiếu đồng bộ của các quy định pháp luật trong việc xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng.

- Công tác khởi kiện, thi hành án, xử lý tài sản để thu hồi nợ còn chậm, thời gian xử lý kéo dài do trình tự thủ tục liên quan đến nhiều đơn vị dẫn đến giá trị một số TSĐB suy giảm, không thu hồi được đầy đủ nợ gốc, có trường hợp không còn TSĐB (động sản); vướng mắc pháp lý liên quan đến tình trạng của tài sản đảm bảo không đủ cơ sở để thực hiện khởi kiện; khách hàng vay qua đời, ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid kéo dài, khách hàng vay gặp khó khăn ảnh hưởng nguồn thu trả nợ, không có thiện chí trả nợ, không hợp tác, lẩn tránh, bỏ trốn khỏi nơi cư trú, chủ tài sản ngụy tạo nên các lý do tranh chấp, khởi kiện ra tòa, chủ tài sản gửi đơn yêu cầu ngăn chặn lên các Văn phòng đăng ký đất đai vô căn cứ, dẫn đến các giao dịch này bị phong tỏa, ngân hàng không thể hoàn tất thủ tục sang tên cho người trúng đấu giá vì vậy không thu hồi được nợ xấu.

5.2.4. Kết quả kiểm tra chọn mẫu hồ sơ xử lý rủi ro

Đoàn thanh tra đã tiến hành chọn mẫu 03 hồ sơ xử lý rủi ro với số tiền 3.592 triệu đồng trong thời kỳ thanh tra, cụ thể:

(1). Khách hàng Công ty TNHH TM DV VT Thuyền Trung, dư nợ xử lý rủi ro 1.664 triệu đồng

*** Thông tin khoản vay:**

- **Khoản vay thứ 1:** Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp số 1199/2018/HDTD/DNI/01 ngày 26/11/2018, dư nợ đến ngày 31/10/2023: 1.154,4 triệu đồng; Số tiền cho vay: 1.776 triệu đồng. Mục đích: thanh toán công nợ tiền mua xe theo hợp đồng mua bán xe số HCM-TA-272 ngày 03/10/2018; Thời hạn vay của mỗi món vay: 05 năm; Lãi suất cho vay cố định 12 tháng đầu tiên là 9,1%, từ tháng thứ 13 bằng lãi suất cơ sở + cộng biên độ 4,85%/năm.

- **Khoản vay thứ 2:** Hợp đồng tín dụng số 1252/2018/HDTD/DNI/01 ngày 11/12/2018 dư nợ đến ngày 31/10/2023: 509,6 triệu đồng; Số tiền cho vay: 728

triệu đồng. Mục đích: Thanh toán tiền mua xe theo hợp đồng mua bán xe số 2925/HĐMB_SGF_2018 ngày 22/11/2018; Thời hạn vay của mỗi món vay: 60 tháng; Lãi suất vay: 8,9% trong 12 tháng đầu, Từ tháng thứ 13 bằng lãi suất cơ sở + cộng biến độ 4,65%/năm.

- **Nguyên nhân nợ xấu:** hoạt động kinh doanh của khách hàng gặp khó khăn, không đủ nguồn tài chính trả nợ.

- **Xử lý nợ:**

- ĐVKD đã tiến hành chuyển hồ sơ qua bộ phận xử lý nợ ngày 12/05/2021 ĐVKD thực hiện phân luồng xử lý nợ có vấn đề theo tờ trình số 01/2021/TTr-TPB.ĐVKD.

- Khoản nợ chuyển nhóm 5 thời điểm từ 6/2021 và Hội đồng xử lý rủi ro đã phê duyệt tiến hành xử lý rủi ro theo biên bản họp hội đồng xử lý rủi ro số 44/2021/BB-HĐXLRR ngày 17/09/2021.

- Ngày 28/9/2021, TPBank Đồng Nai sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro chuyển ngoại bảng khoản vay số tiền 1.664 triệu đồng.

- Ngày 31/12/2022, ĐVKD đã tiến hành khởi kiện khách hàng tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và Tòa án đã thụ lý đơn (Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ngày 08/02/2023) cho đến thời điểm hiện tại vụ án vẫn chưa đưa ra xét xử vì bên bị đơn không chấp hành lời mời làm việc của tòa án. Hiện bộ phận xử lý nợ của ĐVKD đang tiếp tục theo dõi và phối hợp với các đơn vị chức năng tìm biện pháp thu hồi nợ.

- **Nhận xét:**

- Công tác thẩm định khoản vay chưa chặt chẽ, xác định doanh thu nguồn thu nhập của khách hàng chỉ căn cứ vào số liệu khách hàng cung cấp, không có tài liệu chứng từ nào làm cơ sở cho tính xác thực các số liệu thẩm định đó (Phương án kinh doanh không nêu rõ, cụ thể số lượng, chủng loại mặt hàng mà khách hàng kinh doanh).

- Công tác kiểm tra, giám sát khoản vay: việc thực hiện kiểm tra giám sát sau khi vay không đầy đủ không đảm bảo theo quy định (Lần 1, ngày 22/12/2018 (CB kiểm tra : Nguyễn Chí Thanh, đại diện KH: Hồng Ngọc Hoàng), Lần 2, ngày 10/02/2020; Lần 3, ngày 02/06/2020; Lần 4, ngày 22/07/2020). Việc kiểm tra giám sát khoản vay không được thực hiện trong năm 2019 trong khi khoản vay đã có dấu hiệu rủi ro trước đó: TSDB khách hàng đã đem đi cầm cố theo xác nhận của khách hàng tại “Thông báo thu hồi nợ trước hạn và tịch thu tài sản” ngày 22/12/2018; không thu thập báo cáo tài chính của công ty để đánh giá hoạt động kinh doanh, năng lực tài chính, sự biến động tài sản của công ty (2 xe dùng làm tài sản đảm bảo đứng tên CSH là công ty) do đó không kiểm soát được hoạt động kinh doanh của khách hàng, để có giải pháp xử lý kịp thời hạn chế rủi ro.

- **Tài sản đảm bảo:** Khoản vay của khách hàng được thế chấp tài sản đảm bảo là 02 xe ô tô được hình thành từ khoản vay nhưng xe đã bị khách hàng đem

cầm cố bên ngoài, khách hàng không hợp tác trong việc thực hiện quy trình thủ tục xử lý TSDB.

- **Đánh giá về khả năng thu hồi khoản vay:** Khả năng thu hồi phụ thuộc vào kết quả thi hành án, xử lý tài sản thế chấp của khách hàng.

- **Đánh giá nguyên nhân để xảy ra nợ xấu:** Bên cạnh nguyên nhân khách quan từ phía khách hàng như hoạt động kinh doanh gặp khó khăn dẫn đến thu nhập không đủ đảm bảo khả năng trả nợ, một phần nguyên nhân từ phía ngân hàng cho vay đối với khách hàng chưa đáp ứng đầy đủ các quy định về thẩm định và kiểm tra, giám sát vốn vay nêu trên là nguyên nhân dẫn đến nợ xấu.

(2). Khách hàng Trần Thị Mỹ Ngân, dư nợ xử lý rủi ro 1.525 triệu đồng

- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 172/2019/HDTD/BHA/01 ngày 14/03/2019. Hạn mức tín dụng được duyệt 1.800 triệu đồng. Mục đích: vay thanh toán công nợ tiền mua xe ô tô; Thời hạn vay của mỗi món vay: 72 tháng.

- **Xử lý nợ:** TPBank xử lý rủi ro tín dụng đối với khách hàng Trần Thị Mỹ Ngân tại Tờ trình số 43/2021/HDXLRR-TPB ngày 27/9/2021 và Biên bản họp Hội đồng xử lý rủi ro số 44/2021/BB-HDXLRR ngày 27/9/2021 về sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với khoản vay khó có khả năng thu hồi (nhóm 5) đến 27/9/2021.

Nhận xét:

- **Về thẩm định:** TPBank Đồng Nai thẩm định thu thập hồ sơ chứng từ về khả năng tài chính, thu nhập, hoạt động của khách hàng thiếu cơ sở xác thực, độ tin cậy thấp nên việc nhận định đánh giá chưa chính xác về tài chính của khách hàng dẫn đến khách hàng sau khi sử dụng vốn vay trong thời gian ngắn đã không trả được nợ khi đến hạn, nợ xấu phải xử lý rủi ro.

- **Về tài sản đảm bảo:** khách hàng đã bỏ trốn, tài sản bảo đảm là xe ô tô không tìm thấy. TPBank Đồng Nai đã khởi kiện khách hàng đã được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý xử lý ngày 23/11/2020.

- **Đánh giá về khả năng thu hồi khoản vay:** Khả năng thu hồi phụ thuộc vào kết quả thi hành án, xử lý tài sản thế chấp của khách hàng.

- **Đánh giá nguyên nhân để xảy ra nợ xấu:** Bên cạnh nguyên nhân khách quan từ phía khách hàng như hoạt động kinh doanh gặp khó khăn dẫn đến thu nhập không đủ đảm bảo khả năng trả nợ, một phần nguyên nhân từ phía ngân hàng cho vay đối với khách hàng chưa đáp ứng đầy đủ các quy định về thẩm định nêu trên là nguyên nhân dẫn đến nợ xấu.

(3). Khách hàng Phạm Hoài Thương, dư nợ xử lý rủi ro 403 triệu đồng

- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số: 94/2018/HDTD/BHA/01 ngày 12/02/2018. Cho vay 908 triệu đồng, dư nợ đến ngày 31/10/2023 là 402,93 triệu đồng. Mục đích: vay mua ô tô tiêu dùng phục vụ mục đích đi lại.



- **Nguyên nhân nợ xấu:** khách hàng mất tích, tài sản đảm bảo là ô tô không tìm thấy.

- **Xử lý nợ:** Thông báo thu hồi nợ trước hạn ngày 05/11/2021; Thông báo yêu cầu tự nguyện bàn giao TSDB ngày 11/11/2021; Quyết định về việc thu giữ TSDB ngày 01/6/2023 kể từ ngày ra QĐ; Thông báo về việc thu giữ TSDB ngày 01/6/2023

Nhận xét:

- **Về hồ sơ vay vốn:** Không thu thập chứng từ chứng minh nguồn thu nhập từ kinh doanh bún cá như báo cáo kinh doanh, hóa đơn nộp thuế 03 tháng, hóa đơn điện nước, sổ sách theo dõi thu, chi hay sao kê TK của khách hàng.

- **Về công tác thẩm định, xét duyệt khoản vay:** Báo cáo thẩm định không chặt chẽ, ghi nhận doanh thu trung bình 165 triệu đồng/tháng, lợi nhuận ròng trung bình đạt 36 triệu đồng/tháng là không có cơ sở xác thực thu nhập thực tế của khách hàng. Khách hàng kinh doanh bán bún cá gần 03 tháng là chưa đủ thời gian thể hiện sự kinh nghiệm và bí quyết tồn tại đối với nghề nên chưa thấy được sự tích lũy ổn định thu nhập duy nhất từ buôn bán của gia đình. Báo cáo chưa đề cập đến các yếu tố rủi ro trong kinh doanh và dự phòng để bảo toàn món vay.

- Về công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay:

+ Đến thời điểm thanh tra, tại các Biên bản kiểm tra sau cho vay đều là kiểm tra đột xuất, TPBank chưa thực kiểm tra đúng theo quy định nội bộ kiểm tra theo tần suất 01 tháng/lần xuất (KH quá hạn thực tế từ 10 đến 60 ngày) mà thực hiện kiểm tra đột xuất (KH quá hạn thực tế <10 ngày).

+ Chưa có Tờ trình đề xuất phân luồng nợ có vấn đề khi KH trả trễ nợ từ thời điểm ngày 10/12/2021 (>90 ngày). TPBank Đồng Nai có Thông báo thu hồi nợ trước hạn ngày 05/11/2021 nhưng tại các phiếu kiểm tra sau vay ngày 30/6/2022, 04/3/2023, 30/08/2023 vẫn không đề cập đến tình trạng TSTC mà ghi nhận TSDB đủ cho dư nợ hiện tại của khách hàng và không xác định nguyên nhân dẫn đến nợ xấu.

- **Kết quả xử lý nợ:** TPBank Đồng Nai đã thu hồi nợ toàn bộ số tiền ngoại bảng đã xử lý rủi ro đối với khoản vay.

Qua kết quả kiểm tra chọn mẫu hồ sơ xử lý rủi ro, TPBank đã thực hiện các quy định nội bộ về xử lý rủi ro tín dụng, thu hồi nợ ngoại bảng đã xử lý rủi ro nhưng vẫn còn một số thiếu sót trong quy trình xử lý.

II. Thanh tra hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (PCRT, TTKB)

1. Việc xây dựng quy định nội bộ về PCRT, TTKB

Từ ngày 01/01/2020 đến 31/10/2023, TPBank Đồng Nai thực hiện triển khai công tác phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo chính sách, quy trình nội bộ về hoạt động PCRT, TTKB do Hội sở TPBank ban hành cụ thể một số quy định hiện hành như sau:

- Quy chế về PCRT, TTKB: Quy chế số: 04/2023/QC-TPB.HĐQT ngày 07/03/2023.

- Quy định về chính sách nhận biết Khách hàng để PCRT, TTKB: Quy định số 908/2021/QĐ-TPB.LC ngày 10/05/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung số 520/2023/QĐ-TPB.LC ngày 22/5/2023 của Tổng Giám đốc.

- Quy trình báo cáo giao dịch về PCRT, TTKB: Quy trình số 034/2021/QT-TPB.LC ngày 12/07/2021; Quy trình số 791/2022/QĐ-TPB.LC ngày 08/08/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy trình số 034/2021/QT-TPB.LC ngày 12/07/2021; Quy trình số 74/2023/QT-TPB.LC ngày 7/12/2023.

- Quy định về phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro để PCRT, TTKB số 1137/2023/QĐ-TPB.LC ngày 07/09/2023.

- Quy trình quản lý rủi ro về PCRT, TTKB số 73/2023/QT-TPB.LC ngày 29/11/2023.

- Các quy định, hướng dẫn nội bộ của TPBank về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm cá nhân, bộ phận, của Chi nhánh trong hoạt động về PCRT, TTKB bao gồm: Hướng dẫn triển khai “Đạo luật tuân thủ thuế đối với chủ tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ” (FATCA) tại TPBank số 044/2021/HD-TPB.LC ngày 27/11/2021; Hướng dẫn nhận biết thông tin Chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng cá nhân; Hướng dẫn thao tác xử lý tra cứu thông tin tại màn hình Dow Jones Watchlist Manual Search và Port & City screening trong hệ thống phần mềm CORAL iSEMTM (Phụ lục 2 – Quy trình số 034/2021/QT-TPB.LC ngày 27/07/2021)...

Các quy định nội bộ đảm bảo nội dung và phù hợp theo quy định pháp luật có liên quan. Quy định được cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa kịp thời khi có các yếu tố tác động liên quan đến rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố và được phổ biến đến các bộ phận, cá nhân để thực hiện công tác phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

2. Việc phân công cán bộ, bộ phận chịu trách nhiệm về PCRT, TTKB

TPBank Đồng Nai bố trí cán bộ chuyên trách PCRT, TTKB tại Chi nhánh theo quy định như sau: Quyết định về việc bố trí cán bộ phụ trách PCRT, TTKB tại các Đơn vị kinh doanh của TPBank số 833/2022/QĐ-TPB.LC ngày 16/08/2022, số 1236/2022/QĐ-TPB.LC ngày 08/11/2022 và số 1666/2023/QĐ-TPB.LC ngày 6/12/2023 của Tổng Giám đốc TPBank: bà Lê Thu Hoài - Giám đốc Phòng Dịch vụ Khách hàng là Cán bộ đầu mối phụ trách công tác PCRT, TTKB tại Chi nhánh TPBank Đồng Nai, bà Lê Thị Hồng Đào - Giám đốc Phòng Dịch vụ Khách hàng là Cán bộ đầu mối phụ trách công tác PCRT, TTKB tại TPBank PGD Biên Hòa, bà Cao Thị Thùy Trang - Giám đốc Phòng Dịch vụ khách hàng là Cán bộ đầu mối phụ trách công tác PCRT, TTKB tại TPBank PGD Long Khánh.

3. Về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng

TPBank Đồng Nai thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng như sau:

- Thực hiện nhận biết khách hàng đối với các trường hợp khách hàng mở tài khoản đầu tiên, lần đầu thiết lập mối quan hệ với ngân hàng, khách hàng thực hiện các giao dịch bất thường với giá trị lớn hoặc giao dịch chuyển tiền điện tử nhưng thiếu thông tin về tên, địa chỉ hoặc số tài khoản của người khởi tạo, có nghi ngờ rằng các giao dịch hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến các hoạt động rửa tiền, có nghi ngờ về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin để xác định khách hàng đã thu thập trước đó,...Thực hiện các bước thu thập thông tin của khách hàng và sẽ được quét tự động các thông tin nhận biết khách hàng bằng hệ thống Coral iSEMTM kiểm tra và quét lại danh sách vào cuối ngày làm việc; danh sách kiểm tra trên Coral iSEMTM được cập nhật hàng ngày. Khi thực hiện một giao dịch cụ thể, cán bộ tại TPBank Đồng Nai có trách nhiệm nhận biết khách hàng, đối chiếu kiểm tra thông tin khách hàng, thông tin liên quan tới các giao dịch bất thường, đáng ngờ, nghi ngờ tới hoạt động rửa tiền...phát hiện có dấu hiệu thì Trưởng ĐVKD cần báo cáo, áp dụng biện pháp tạm thời theo quy định.

Kết quả kiểm tra nhận thấy TPBank Đồng Nai thực hiện thông tin nhận biết khách hàng thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật PCRT năm 2022 và khoản 1 Điều 6 Nghị định 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023; Cập nhật, bổ sung thông tin nhận biết khách hàng để đảm bảo sự hiểu biết đầy đủ về khách hàng trong suốt thời gian thiết lập mối quan hệ với khách hàng theo quy định tại Điều 10 Luật PCRT năm 2012, Điều 34 Luật PCKB năm 2013 và Điều 6 Nghị định 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

Kết quả kiểm tra chọn mẫu chứng từ các giao dịch trong các tháng 10/2023, 09/2023, 08/2023, 10/2022, 10/2021 nhận thấy: Các khoản giao dịch mở tài khoản, giao dịch chuyển tiền thì chứng từ đều có ghi nhận đầy đủ thông tin khách hàng, đầy đủ các thông tin nhận biết, có lưu giữ bản photo chứng minh nhân dân, căn cước công dân, passport của khách hàng khi đến giao dịch nộp, rút, chuyển tiền tại TPBank Đồng Nai; Các thông tin dữ liệu đều có trong các file báo cáo trên hệ thống PCRT, TTKB theo quy định.

4. Phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro

TPBank Đồng Nai thực hiện phân loại khách hàng theo cấp rủi ro chủ yếu dựa vào hệ thống công nghệ thông tin để sàng lọc dựa theo các tiêu chí như loại khách hàng, sản phẩm/dịch vụ, địa điểm (nơi cư trú hoặc địa điểm trụ sở của khách hàng) hoặc các tiêu chí khác (như Danh sách cảnh báo, Danh sách đen, Danh sách Private List, PEP...) theo quy định tại Điều 12 Luật PCRT 2012, Điều 16 Luật PCRT năm 2022 và Điều 6 Nghị định 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ. Theo đó, sẽ phân loại rủi ro khách hàng ra 03 loại (mức rủi ro thấp, mức rủi ro trung bình và mức rủi ro cao) và sẽ được thẩm định cập nhật thông tin nhận biết khách hàng, đánh giá tăng cường và giám sát khách hàng định kỳ theo quy định: Mức rủi ro cao thì thực hiện đánh giá tăng cường; Mức rủi ro trung bình thì giám sát giao dịch, cập nhật thông tin khách hàng tối thiểu 02 năm/01 lần; Mức rủi ro thấp thì giảm tần suất cập nhật thông tin đánh giá tăng cường tin nhận biết khách

hàng tối thiểu 02 năm/01 lần. TPBank Đồng Nai tiến hành thu thập thông tin thực hiện đánh giá tăng cường và giám sát đối với các khách hàng có mức độ rủi ro cao.

Trong thời kỳ thanh tra, tại TPBank Đồng Nai và các PGD trực thuộc không phát sinh khách hàng có rủi ro cao.

5. Rà soát khách hàng và giao dịch theo danh sách đen, danh sách cảnh báo

TPBank Đồng Nai tiến hành việc rà soát và sàng lọc khách hàng dựa trên danh sách đen do Bộ công an lập, danh sách PEP, danh sách cảnh báo của NHNN Việt Nam hoặc các tổ chức quốc tế về PCRT lập (bao gồm: OFAC, EU, UN), danh sách cảnh báo nội bộ của TPBank... Ứng dụng hệ thống phần mềm/công nghệ để tiến hành rà soát và sàng lọc theo phương thức tự động và tức thời (real-time screening), trong trường hợp thông tin khách hàng mở tài khoản/giao dịch trùng khớp với các danh sách nêu trên, hệ thống của TPBank sẽ chặn mở tài khoản/giao dịch và gửi cảnh báo cho các Đơn vị liên quan trong nội bộ để hành xử/xử lý theo đúng quy định/quy trình nội bộ của TPBank. Việc rà soát, sàng lọc được tiến hành đồng bộ trên tất cả các kênh giao dịch của TPBank.

Theo báo cáo của TPBank Đồng Nai trong thời kỳ thanh tra, Chi nhánh chưa phát sinh thực hiện báo cáo và áp dụng biện pháp tạm thời đối với các khách hàng theo danh sách đen do Bộ Công an và danh sách cảnh báo do NHNN Việt Nam công bố.

6. Về thực hiện các loại báo cáo

6.1. Báo cáo ngày: Việc gửi các loại Báo cáo giao dịch tiền mặt có giá trị lớn – gọi tắt là CTR và Báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử (gồm Báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử trong nước - gọi tắt là DWT; Báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế - gọi tắt là EFT) sẽ được thực hiện tập trung tại Hội sở, mà không thực hiện theo từng Chi nhánh. Theo đó toàn bộ dữ liệu giao dịch tiền mặt có giá trị lớn, giao dịch chuyển tiền điện tử phát sinh trong một ngày của toàn hệ thống TPBank sẽ được Phòng PCRT tại Hội sở trích xuất từ hệ thống và gửi theo phương thức truyền file điện tử tới Cục PCRT – NHNN qua phần mềm gửi báo cáo PCRT có tên gọi ‘TRAML Client’ do Cục PCRT – NHNN cấp quyền sử dụng cho TPBank.

Kết quả kiểm tra nhận thấy, TPBank Đồng Nai thực hiện báo cáo ngày tự động qua hệ thống công nghệ thông tin kết nối với NHNN theo quy định về:

- Báo cáo giao dịch tiền mặt theo quy định tại Điều 21 Luật PCRT năm 2012, Điều 25 Luật PCRT năm 2022 và Điều 5 Thông tư số 35/2013/TT-NHNN của NHNN Việt Nam; Thời hạn, phương thức báo cáo theo quy định tại các Điều 25, 26 Luật PCRT năm 2012, Điều 36, Điều 37 Luật PCRT năm 2022 và Điều 16 Nghị định 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ, Điều 10 Thông tư số 35/2013/TT-NHNN của NHNN Việt Nam;

- Báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử theo quy định tại Điều 23 Luật PCRT, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 31/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số



điều Thông tư số 35/2013/TT-NHNN của NHNN Việt Nam; Thời hạn, phương thức báo cáo theo quy định tại Điều 25, 26 Luật PCRT năm 2012, Điều 36, Điều 37 Luật PCRT năm 2022 và Điều 16 Nghị định 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ, điều 10 Thông tư số 35/2013/TT-NHNN của NHNN Việt Nam.

6.2. Về báo cáo giao dịch đáng ngờ: Theo báo cáo của TPBank Đồng Nai thì trong thời kỳ thanh tra phát sinh 09 báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Việc gửi các loại báo cáo trên do Phòng PCRT tại Hội sở thực hiện (không gửi riêng lẻ theo từng Chi nhánh) chậm nhất vào 16h 00 ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày phát sinh giao dịch, bằng hình thức gửi dữ liệu điện tử. Theo đó Phòng PCRT tại Hội sở sẽ xuất dữ liệu các giao dịch phải báo cáo trong hệ thống và gửi Cục PCRT – NHNN qua cổng thông tin Tram Client do Cục PCRT – NHNN cấp quyền sử dụng cho TPBank.

Qua kiểm tra 09 báo cáo về giao dịch đáng ngờ của TPBank Đồng Nai nhận thấy đơn vị báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định tại Điều 22 Luật PCRT 2012, Điều 14 Nghị định số 116/2013/NĐ-CP; khoản 4 Điều 5, Điều 6 Thông tư 35/2013/TT-NHNN, Điều 25, 26 Luật PCRT năm 2012 và Điều 16 Nghị định số 116/2013/NĐ-CP, Điều 10 Thông tư số 35/2013/TT-NHNN; khoản 5 Điều 1 Thông tư 31/2014/TT-NHNN, Điều 26, Điều 28, Điều 29 Luật PCRT năm 2022, Điều 7 Thông tư 09/2023/TT-NHNN.

7. Việc áp dụng biện pháp tạm thời theo quy định

Trong thời kỳ thanh tra, TPBank Đồng Nai chưa phát sinh các giao dịch đáng ngờ phải rà soát đối với các giao dịch theo danh sách đen, danh sách cảnh báo liên quan đến rửa tiền và tài trợ khủng bố nên chưa áp dụng biện pháp tạm thời theo quy định tại Điều 33, 34 Luật PCRT năm 2022, Điều 34 Luật PCKB và Điều 22, 23 Nghị định 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ, khoản 1 Điều 8 Nghị định 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ.

8. Công tác đào tạo về PCRT và tài trợ khủng bố

Việc đào tạo về PCRT, TTKB tại TPBank Đồng Nai được thực hiện tập trung tại Hội sở và do Hội sở thực hiện. Các chương trình đào tạo được Hội sở xây dựng và áp dụng trên toàn hệ thống TPBank. Định kỳ hàng năm, TPBank Đồng Nai và các PGD trực thuộc cử các cán bộ tham gia các lớp đào tạo này, cụ thể như sau: Năm 2020: 41 Cán bộ (Đồng Nai: 24 người; Biên Hòa: 17 người); Năm 2021: 55 Cán bộ (Đồng Nai: 33 người; Biên Hòa: 22 người); Năm 2022: 48 Cán bộ (Đồng Nai: 28 người; Biên Hòa: 19 người; Long Khánh: 01 người); Năm 2023: 85 Cán bộ (Đồng Nai: 35 người; Biên Hòa: 31 người; Long Khánh: 19 người).

PHẦN III NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Nhìn chung trong thời kỳ thanh tra, hoạt động cho vay của TPBank Đồng Nai đạt được những kết quả nhất định trong bối cảnh nền kinh tế - xã hội chịu ảnh hưởng nặng nề của các làn sóng dịch bệnh Covid-19 từ đầu năm 2020 đến

năm 2022, có sự tăng trưởng tương đối tốt, năm sau cao hơn năm trước đi liền với chất lượng tín dụng được kiểm soát hiệu quả, tỷ lệ nợ nhóm 2 và nợ xấu được duy trì ở mức thấp so với trung bình ngành trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; có những nỗ lực nhất định trong việc hỗ trợ, đồng hành cùng khách hàng vượt qua những khó khăn, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố được quan tâm và thực hiện theo đúng quy định, trong năm 2023 ảnh hưởng bởi xung đột chính trị thế giới, lạm phát... nhưng kết quả kinh doanh vẫn đạt hiệu quả tương đương so với năm trước tuy nhiên nợ xấu có sự tăng cao trong năm 2023. Bên cạnh những mặt đạt được, TPBank Đồng Nai cũng còn một số tồn tại, vi phạm cần được chấn chỉnh, khắc phục và một số mặt cần được cải thiện, cụ thể:

1. Công tác thẩm định, xét duyệt cho vay chưa chặt chẽ, chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định nội bộ đối với 52 khách hàng (99 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/10/2023 là 592.865 triệu đồng (chi tiết nêu tại điểm 3.1 Phần II Kết quả kiểm tra xác minh). *Những người có liên quan được nêu chi tiết tại Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay.*

2. Thực hiện cho vay nhưng chưa thu thập, bổ sung hồ sơ vay vốn đầy đủ theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định nội bộ của TPBank đối với 12 khách hàng (28 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/10/2023 là 87.758,5 triệu đồng (chi tiết nêu tại điểm 3.3 Phần II Kết quả kiểm tra xác minh). *Những người có liên quan được nêu chi tiết tại Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay.*

3. Công tác kiểm tra, giám sát vốn vay chưa thực hiện đầy đủ, chặt chẽ, chính xác theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam và Quy định nội bộ của TPBank đối với 50 khách hàng (110 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/10/2023 là 903.620,5 triệu đồng (chi tiết nêu tại điểm 3.2 Phần II Kết quả kiểm tra xác minh). *Những người có liên quan được nêu chi tiết tại Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay.*

4. Công tác xử lý nợ có vấn đề sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng và thu hồi nợ ngoại bảng sau khi xử lý rủi ro: Một số khoản cấp tín dụng có vấn đề thực hiện quy trình về xử lý nợ có vấn đề tại đơn vị chưa đầy đủ theo quy định tại Quy chế số 13/2019/QC-TPB HĐQT ngày 20/4/2019 của HĐQT về quy chế theo dõi giám sát xử lý nợ có vấn đề, Quy định số 44/2023/QT-TPB.CM ngày 10/7/2023 của Tổng Giám đốc TPBank về Quy trình theo dõi, giám sát và xử lý nợ có vấn đề thời điểm 31/10/2023 gồm 05 khách hàng nội bảng với tổng dư nợ là 62.164 triệu đồng và 03 khách hàng xử lý rủi ro tín dụng với dư nợ 3.592 triệu đồng còn tồn tại, vi phạm trong công tác cấp tín dụng (chi tiết nêu tại điểm 5.2.4 Phần II Kết quả kiểm tra xác minh). *Những người có liên quan được nêu chi tiết tại Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay.*



5. Về ban hành văn bản nội bộ: tại Phụ lục 04 Hướng dẫn kiểm tra sau cho vay khách hàng cá nhân ban hành kèm theo quy định số 761/2023/QĐ-TPB.CM ngày 27/6/2023 của Tổng Giám đốc TPBank hướng dẫn về hoạt động cho vay mua bất động sản tại mục kiểm tra chứng từ đối với trường hợp vay mua BĐS để thanh toán công nợ mà BĐS mua đã có giấy tờ sở hữu tài sản:... HĐMB/hợp đồng chuyển nhượng công chứng/Hợp đồng được xác thực của các cơ quan địa phương có thẩm quyền/Giấy biên nhận đặt cọc (trong trường hợp giá trị mua bán/chuyển nhượng thực tế khác với trên Hợp đồng mua bán/chuyển nhượng công chứng). Do đó quy định trên chưa chặt chẽ sẽ dẫn đến việc không hạn chế, ngăn ngừa khách hàng được tài trợ vốn vay khi giá trị chuyển nhượng khác với giá trị tại các hợp đồng công chứng ảnh hưởng đến các quy định chính sách pháp luật của nhà nước.

6. Cảnh báo rủi ro: Thực hiện cảnh báo rủi ro đối với các khách hàng hoạt động kinh doanh có xu hướng giảm hoặc lỗ nhiều năm; nhóm khách hàng liên quan mà nguồn thu chủ yếu từ sản xuất điện mặt trời áp mái trên các trang trại chăn nuôi và đầu tư trang trại chăn nuôi; hoạt động kinh doanh nhưng đăng ký kê khai chưa đầy đủ, tài sản đảm bảo xây dựng nhưng chưa được cấp phép; nhận tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất có tính thanh khoản không cao nhưng định giá tài sản đảm bảo cao gấp nhiều lần so với giá nhà nước (*chi tiết nêu tại điểm 3.5 Phần II Kết quả kiểm tra xác minh*).

PHẦN IV KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh và kết luận nêu trên, Chánh thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai kiến nghị các biện pháp xử lý:

1. Kiến nghị đối với Ngân hàng TMCP Tiên Phong

(1) Theo dõi, đơn đốc, chỉ đạo TPBank Đồng Nai chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, vi phạm được nêu tại Phần II - Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

(2) Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại TPBank Đồng Nai nhằm phát hiện những vi phạm để chấn chỉnh kịp thời, hạn chế những thiếu sót, tồn tại có thể phát sinh trong quá trình hoạt động chú trọng kiểm soát đối với nhóm khách hàng có liên quan được nêu tại mục cảnh báo rủi ro.

(3) Khuyến nghị Ban điều hành xem xét ban hành bổ sung quy định nội bộ trong việc yêu cầu chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn chặt chẽ hạn chế rủi ro hoạt động.

2. Kiến nghị đối với Ngân hàng TMCP Tiên Phong Chi nhánh Đồng Nai.

Yêu cầu Giám đốc TPBank Đồng Nai rà soát toàn bộ những tồn tại, vi phạm, thiếu sót được nêu tại Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh để chỉnh sửa, khắc phục kịp thời. Đồng thời thực hiện một số nội dung sau:

(1). Yêu cầu Giám đốc TPBank Đồng Nai tiến hành họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, vi phạm được nêu tại Kết luận thanh tra. Thời gian thực hiện: 01 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

(2). Thực hiện rút kinh nghiệm, chấn chỉnh công tác thẩm định, nâng cao kỹ năng, chất lượng công tác thẩm định trước khi cho vay, chú trọng thẩm định tính khả thi của phương án vay vốn, số liệu tài chính và nguồn trả nợ từ khách hàng phải đảm bảo các căn cứ, cơ sở tính toán, tính xác thực về những tồn tại, vi phạm trong công tác thẩm định đối với 52 khách hàng (99 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/10/2023 là 592.864,9 triệu đồng nêu tại điểm 3.1 Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

(3). Yêu cầu TPBank Đồng Nai nâng cao chất lượng và tổ chức thực hiện kiểm tra chặt chẽ trước, trong và sau khi cho vay theo đúng quy định; Biên bản kiểm tra phải đánh giá được cụ thể tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của khách hàng, thu thập chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, nguồn trả nợ và tài sản đảm bảo. Khắc phục, chỉnh sửa những tồn tại, sai phạm về công tác kiểm tra, giám sát vốn vay đối với 50 khách hàng (110 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/10/2023 là 903.620 triệu đồng (trừ những khách hàng nợ xấu, chuyển sang bộ phận xử lý nợ) đã nêu chi tiết tại 3.2 Phần II - Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

(4). Chấn chỉnh công tác thu thập hồ sơ vay vốn theo đúng quy định nội bộ. Thực hiện bổ sung hồ sơ vay vốn đầy đủ theo đúng quy định đối với 14 khách hàng (28 HĐTD) với tổng dư nợ thời điểm 31/10/2023 là 87.758,5 triệu đồng (trừ những khách hàng nợ xấu, chuyển sang bộ phận xử lý nợ) đã nêu chi tiết tại 3.3 Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

(5). Yêu cầu TPBank Đồng Nai rút kinh nghiệm về những tồn tại, vi phạm trong công tác xử lý nợ có vấn đề, thực hiện bổ sung hồ sơ còn thiếu và đánh giá đầy đủ theo quy trình xử lý nợ có vấn đề đối với 05 khách hàng với tổng dư nợ thời điểm 31/10/2023 là 62.164 triệu đồng. Đồng thời chấn chỉnh công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát định kỳ về việc sử dụng vốn, thu thập tài liệu chứng minh nguồn thu nhập, theo dõi, đánh giá biến động của tài sản đảm bảo đối với 03 khách hàng xử lý rủi ro với số tiền 3.592 triệu đồng nêu tại Phần II - Kết quả kiểm tra, xác minh.

(6). Khuyến nghị:

- TPBank Đồng Nai cần tăng cường tần suất kiểm tra, giám sát, đánh giá lại tình hình hoạt động kinh doanh; dòng tiền hoạt động kinh doanh/trả nợ; các điều kiện cam kết cấp tín dụng; tài sản đảm bảo ... đối với các khách hàng như đã nêu tại 3.4 Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh chú trọng kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với nhóm khách hàng có liên quan để sớm nhận diện được các rủi ro và có ứng xử tín dụng phù hợp, đảm bảo an toàn và hiệu quả hoạt động ngân hàng.



Đề nghị TPBank Đồng Nai tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, những mặt làm tốt, có hiệu quả liên quan đến nội dung thanh tra. Đồng thời tự kiểm tra, rà soát đối với các nội dung/hồ sơ chưa được thanh tra; thường xuyên kiểm tra, giám sát, theo dõi tình hình tài chính của khách hàng để có các giải pháp kịp thời trong trường hợp khách hàng suy giảm khả năng trả nợ; tăng cường công tác hậu kiểm đối với mọi khâu của các quy trình/nghiệp vụ để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro và có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

Yêu cầu Giám đốc TPBank Đồng Nai tổ chức thực hiện các kiến nghị theo đúng thời hạn nêu trên. Báo cáo kết quả thực hiện việc chấn chỉnh sau thanh tra gửi về Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai định kỳ trước ngày 05 hàng tháng cho đến khi hoàn tất việc thực hiện các kiến nghị được nêu tại Kết luận thanh tra.

Kết luận thanh tra gồm 36 trang và đính kèm 01 mẫu biểu và 01 phụ lục do Đoàn thanh tra lập, là một bộ phận không tách rời Kết luận thanh tra, được gửi tới các nơi nhận dưới đây./.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA PHỤ TRÁCH

Nơi nhận:

- TPBank Đồng Nai (để thực hiện);
- TPBank (để chỉ đạo);
- Giám đốc NHNN (để báo cáo);
- Cơ quan TTGSNH (để báo cáo);
- TTGS Chi nhánh (để theo dõi CSSTT);
- Lưu: VT; TTGS; HSTT.

Đính kèm:

- Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cấp tín dụng;
- Phụ lục 01 về thẩm định cấp tín dụng.

